



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

**Rang Dong**  
RDP

*Luôn Luôn Tốt Hơn*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ - KHÁT VỌNG VƯƠN XA ////



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

**Rang Dong**  
RDP

*Luôn Luôn Tốt Hơn*



Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84-8) 3969 2272 - Fax: (84-8) 3969 2843

E-mail: [nhuarangdong@rdplastic.vn](mailto:nhuarangdong@rdplastic.vn)

Web: [www.rdplastic.com.vn](http://www.rdplastic.com.vn) - [www.aomuarangdong.com](http://www.aomuarangdong.com)

MST: 0300384357



[www.rdplastic.com.vn](http://www.rdplastic.com.vn)



Trụ sở chính tại TP.HCM



Nhà máy Bao bì số 1 tại Củ Chi



Nhà máy Nhựa Tiên Sơn tại Bắc Ninh

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA *Rang Dong*

MÃ CHỨNG KHOÁN: RDP

Công Ty Cổ Phần Nhựa *Rang Dong*.

Tên tiếng Anh: Rang Dong Plastic Join - Stock Company.

Tên viết tắt: RDP JSC.

Vốn điều lệ: 142,657,000,000 đồng.

Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 39692272 – 39606642

Fax: (84-8) 39692843

Email: [nhuarangdong@rdplastic.vn](mailto:nhuarangdong@rdplastic.vn)

Website: <http://rdplastic.com.vn/> và <http://aomuarangdong.com>

Giấy chứng nhận ĐKKD và mã số thuế: 0 3 0 0 3 8 4 3 5 7.

# MỤC LỤC

**ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ - KHÁT VỌNG VƯỜN XA** //



Hệ thống thu hồi khí thải DOP  
tại nhà máy sản xuất giả da PVC xốp.

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

Quá trình hình thành và phát triển.  
Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi  
Ngành nghề kinh doanh chính  
Sản phẩm (05 nhóm sản phẩm tiêu biểu)  
Kênh phân phối.  
Vị thế công ty.  
Thông tin cổ đông, cổ phần.  
Quá trình tăng vốn điều lệ.

## THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.  
Phân tích SWOT công ty.  
Định hướng và tiêu chí.  
Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2015  
Giải pháp thực hiện.

## BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu quản lý và Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Ban Hội Đồng Quản Trị.  
Giới thiệu Ban Kiểm Soát.  
Giới thiệu Ban Điều Hành.

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014.

Báo cáo Quản trị công ty.  
Báo cáo rủi ro.  
Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 2014.  
Tình hình tài chính  
Tình hình thực hiện dự án đầu tư tài sản.  
Nghiên cứu & phát triển sản phẩm.  
Cải tiến chất lượng nguyên liệu.  
Các giải thưởng và danh hiệu đạt được trong năm.  
Công tác môi trường - xã hội.  
Báo cáo hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

# GIỚI THIỆU CÔNG TY

Quá trình hình thành và phát triển.  
Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi  
Ngành nghề kinh doanh chính  
Sản phẩm (05 nhóm sản phẩm tiêu biểu)  
Kênh phân phối.  
Vị thế công ty.  
Thông tin cổ đông, cổ phần.  
Quá trình tăng vốn điều lệ.



Công ty chúng tôi tự hào là những người đi tiên phong trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm màng mỏng, giả da PVC, PU, tôn ván nhựa PVC và bao bì phức hợp tại Việt Nam. Trong tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, chúng tôi vẫn chèo lái thành công con thuyền kinh doanh khi giữ vững mức tăng trưởng cho các ngành hàng.

Không chỉ mở rộng kênh phân phối trên toàn quốc, chúng tôi liên tục phát triển thị trường xuất khẩu qua các nước như Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Hà Lan, Đài Loan, Trung Đông, Nigeria, Thái Lan, Myanmar và các nước trong cộng đồng Châu Âu...

Chúng tôi luôn luôn mong muốn đằng sau mọi thành công của khách hàng sẽ có hình ảnh của Công Ty Cổ Phần Nhựa **Rạng Đông**.



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

**1962:**

Đổi tên thành UFIPLASTIC Company.

**11/1977:**

Chuyển thành Nhà Máy Nhựa **Rạng đông**, trực thuộc Công ty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ.

**1993:**

Thành lập Nhà máy Nhựa Hóc Môn chuyên sản xuất bao bì.

**1997:**

Thành lập Nhà máy Nhựa Nha Trang tại Nha Trang - Khánh Hoà.

**2000:**

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Nghệ An.

**02/05/2005:**

Công ty được cổ phần hoá, chính thức đi vào hoạt động với tên gọi Công Ty Cổ Phần Nhựa **Rạng đông**.

**2009:**

Xây dựng Nhà máy Bao Bì Số 1 tại Củ Chi – TP.HCM.

**05/2014:**

Công ty cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước.

**Đầu thập niên 60:**

Được thành lập với tên UFEOC (Liên hiệp các xí nghiệp cao su Viễn Đông Pháp)

**1963 – 1975:**

Nhập khẩu các máy cán, dây chuyền máy tráng đầu tiên từ Nhật Bản và Đài Loan để sản xuất các loại giả da PVC, PU xốp, khăn trải bàn, màng mỏng PVC, vải tráng PVC, PU, vải dù chống thấm.

**1985 – 1995:**

Đổi tên thành Công ty Nhựa **Rạng đông**

**1996:**

Thành lập Chi nhánh công ty tại Hà Nội.

**1999:**

Thành lập Nhà máy Nhựa 6.

**2003:**

Công ty chuyển về trực thuộc trực tiếp Bộ Công nghiệp. Đồng thời nhận chứng chỉ ISO 9001-2000.

**2006:**

Xây dựng lại trụ sở chính tại Quận 11 – TP.HCM.

**2014:**

Xây dựng Nhà máy Nhựa Tiên Sơn tại Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh. Đến tháng 04/2014, đón nhận Giấy chứng nhận ISO 14001:2004.



## TẦM NHÌN

"Xây dựng Nhựa **Rạng đông** trở thành một thương hiệu hàng đầu Việt Nam, Khu vực và đạt đẳng cấp Thế giới trong lĩnh vực sản xuất màng mỏng, giả da và bao bì mềm".

## SỨ MỆNH

"Sản xuất và cung ứng các loại sản phẩm nhựa với chất lượng cao nhất, hiệu quả nhất, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất đảm bảo hài hòa các lợi ích của khách hàng, đối tác, người lao động, cổ đông và xã hội."

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Sự đoàn kết trong từng bộ phận làm việc
- Chất lượng trong từng sản phẩm
- Sáng tạo trong từng công việc
- Chuyên nghiệp trong từng thao tác
- Tiết kiệm trong từng hoạt động
- Hợp tác với từng đối tác
- Năng suất hiệu quả
- Thân thiện môi trường
- Đóng góp cộng đồng, xã hội
- Phát triển bền vững.



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

1	Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất hàng nhựa gia dụng; sản xuất hàng nhựa kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn ván nhựa, ống nhựa, bao bì in - tráng - ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở).
2	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
3	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà.
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản.
6	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và các sản phẩm có liên quan).
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán phế liệu nhựa (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn ván nhựa, ống nhựa, bao bì in - tráng - ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách. Mua bán nguyên liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
9	
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).
11	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).
12	(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Pháp luật có liên quan).



# SẢN PHẨM



**NHÓM BAO BÌ**



**NHÓM GIẢ DA**



**NHÓM MÀNG MỎNG**



**NHÓM TÔN VÁN**



**NHÓM ÁO MƯA**

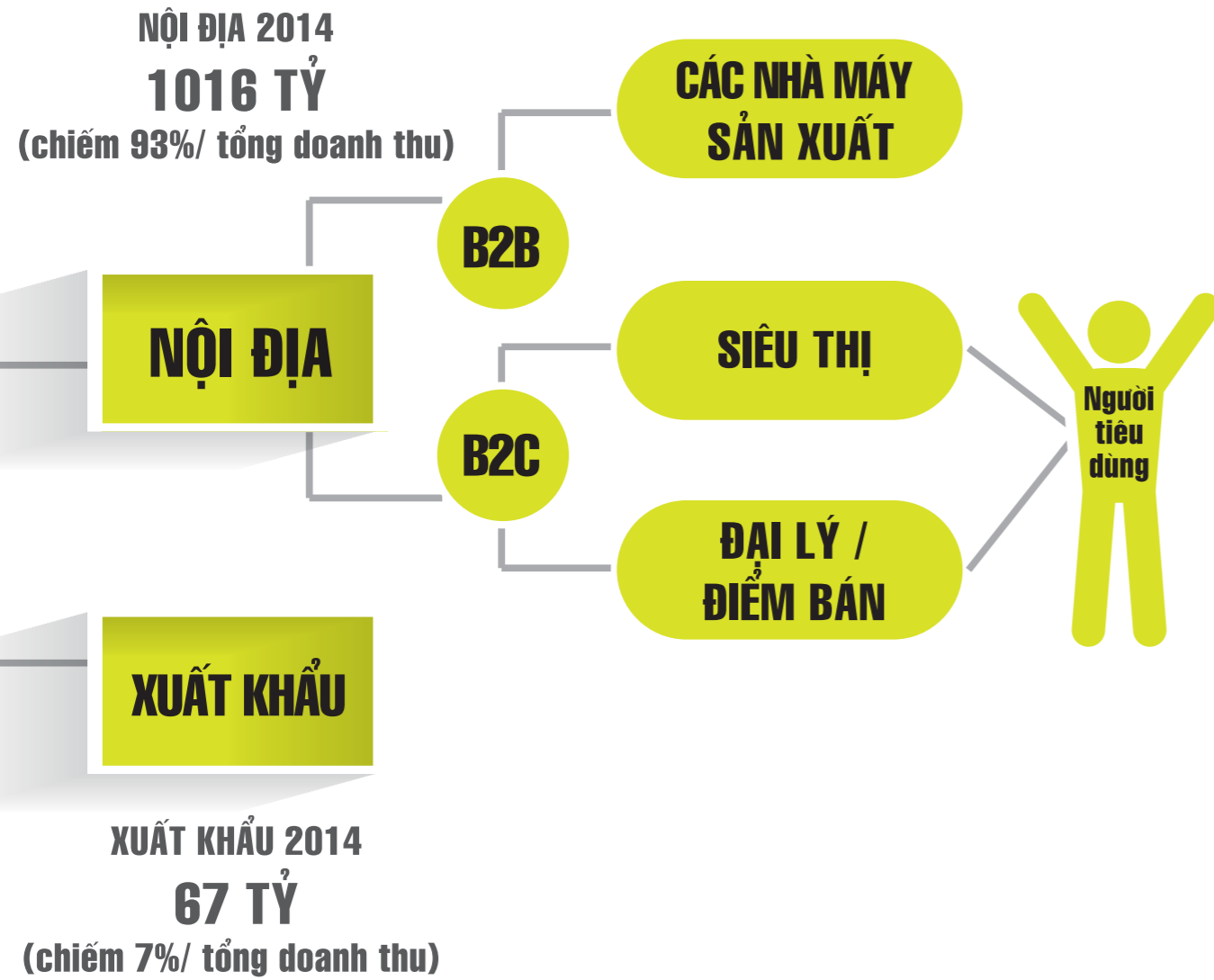
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
**2014**



Sản phẩm được kiểm nghiệm bởi  
Product is passed all requirements by  
**TÜVRheinland** **SGS** **Intertek**  
Precisely Right.



# KÊNH PHÂN PHỐI



Nhựa **Rạng đông** liên tục phát triển thị trường xuất khẩu qua các nước như Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Hà Lan, Đài Loan, Trung Đông, Nigeria, Thái Lan, Myanmar và các nước trong cộng đồng Châu Âu...

Đặc biệt các dòng sản phẩm Giả da cao cấp chuyên phục vụ cho ngành trang trí nội thất du thuyền được xuất khẩu sang Mỹ có độ tăng trưởng sản lượng bình quân 20% qua mỗi năm.

## B2B

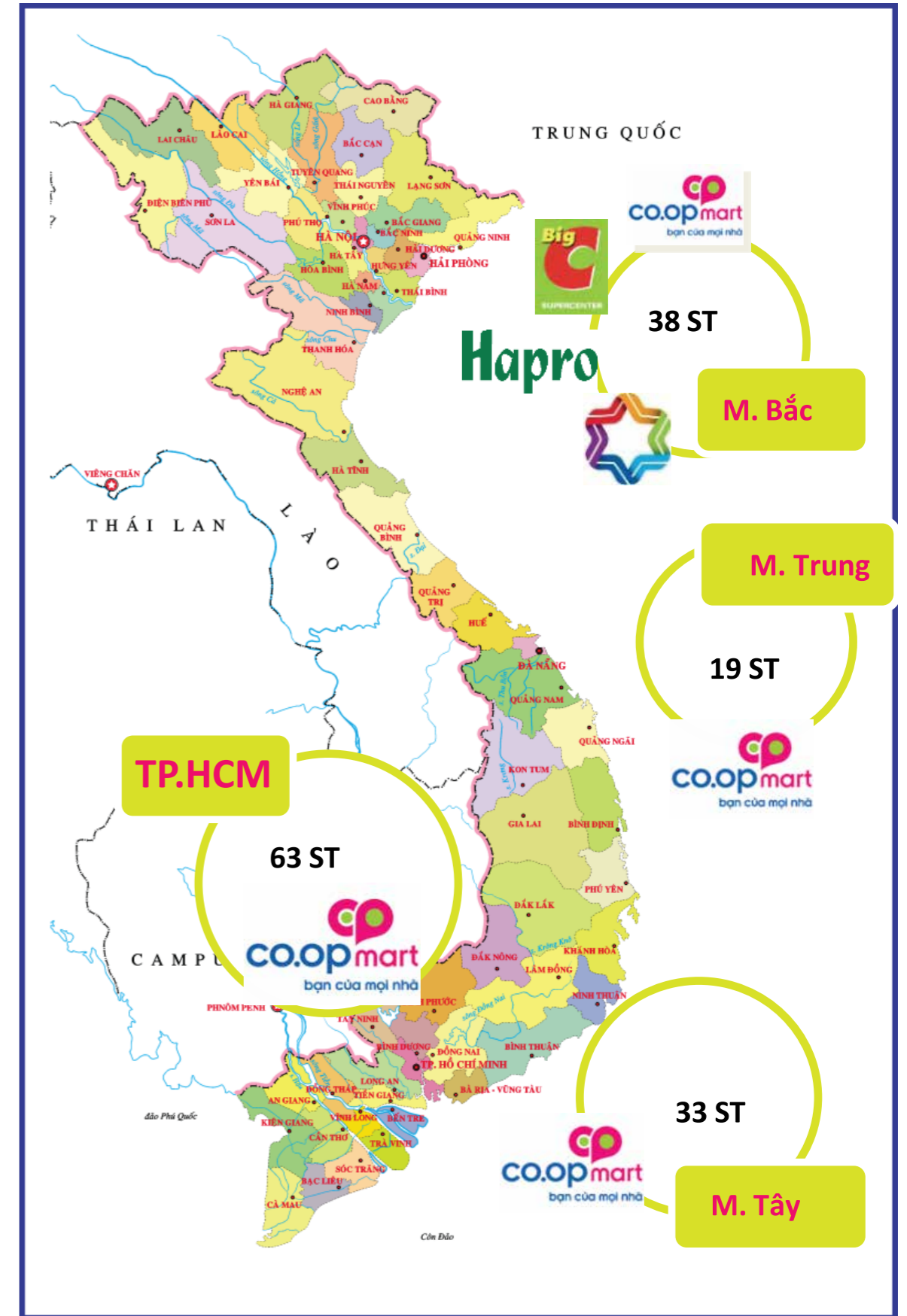
Một số thương hiệu khách hàng nội địa



# KÊNH PHÂN PHỐI

## B2C

Kênh siêu thị

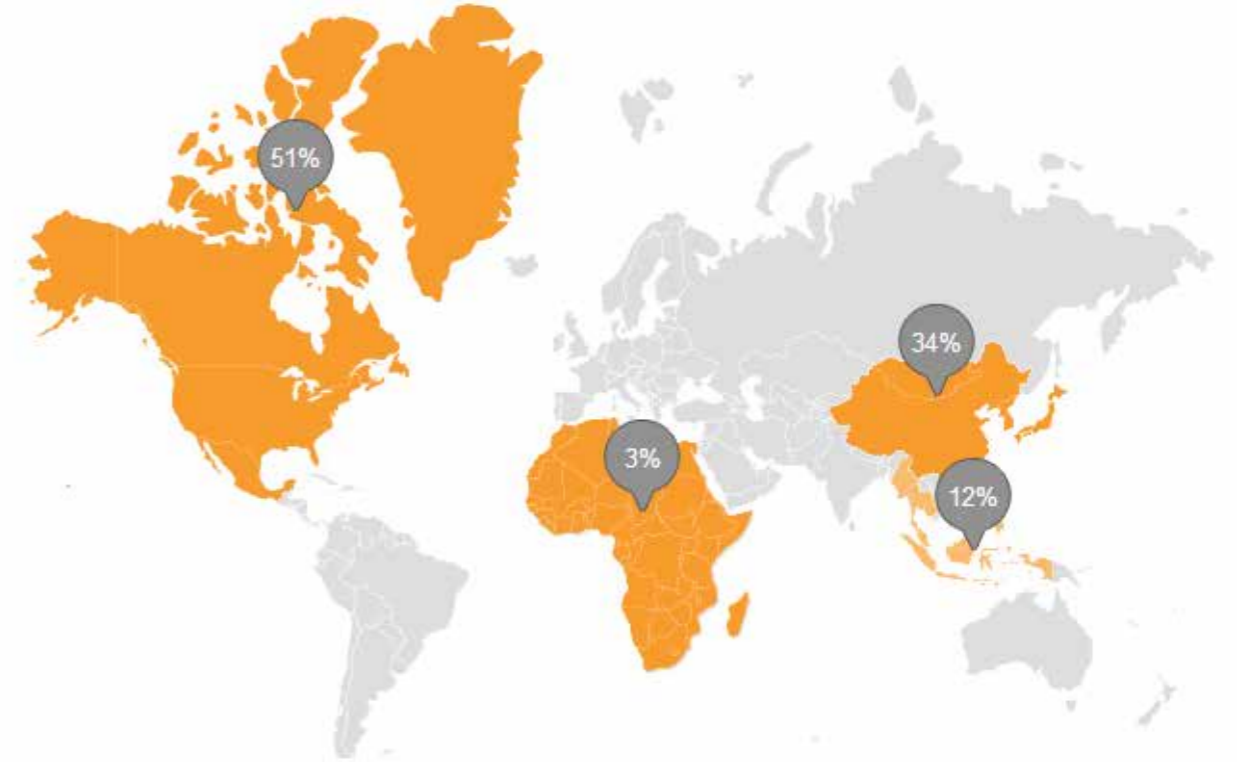


## B2C

Các chợ đầu mối



## XUẤT KHẨU



Các nước chủ lực **Rạng Đông** xuất khẩu đến như: Nhật, Hàn Quốc, Đức, Hà Lan, Mỹ, Canada, Asean, và các nước châu Phi,...

North America: 51%  
East Asia: 34%  
Southeast Asia: 12%  
Africa: 3%

## VỊ THẾ CÔNG TY

Top **10**

CÔNG TY SẢN XUẤT MÀNG NHỰA, GIẤ DA, BAO BÌ PHỨC HỢP  
TRONG KHU VỰC CHÂU Á

Công ty Nhựa **Rạng đông** thành lập từ 1960, là công ty phát triển lâu đời nhất Việt Nam trong lĩnh vực Giấ da và màng nhựa mỏng.

Mục tiêu tốc độ tăng trưởng doanh số, vốn chủ sở hữu bình quân 20% mỗi năm.

Công ty được niêm yết sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh vào năm 2009.

Công ty có giá trị vốn hóa trên thị trường vào thời điểm 31/12/2014 khoảng 12,6 triệu đô la Mỹ.

Với nỗ lực phát triển, công ty đặt ra mục tiêu doanh số sẽ đạt 2000 tỷ và đứng vào Top 10 công ty sản xuất màng nhựa, giấ da và bao bì phức hợp lớn nhất Khu vực Châu Á vào năm 2018.

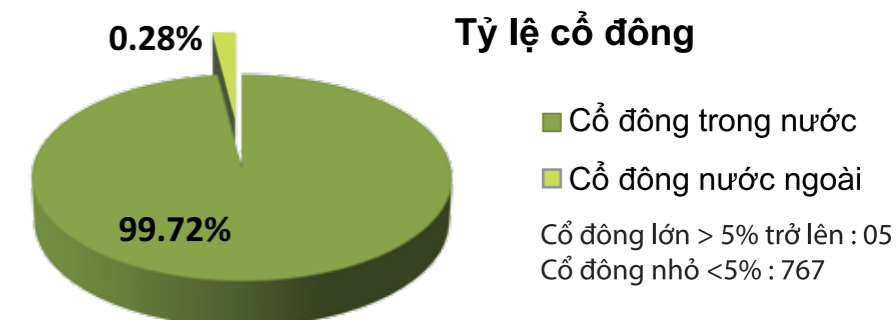
## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN

GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

~ **12,6** Triệu USD

NỘI DUNG	ĐVT	GIÁ TRỊ
Vốn điều lệ của công ty	đồng	142.657.440.000
Mệnh giá 1 cổ phiếu	đồng	10.000
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	cổ phiếu	14.265.744
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	cổ phiếu	14.265.744
Giá trị vốn hóa thị trường	tỷ đồng	263.916.264.000

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	% VỐN ĐIỀU LỆ
Tổng số cổ đông	772	14.265.744	100
Cổ phiếu quỹ			
Tổng	772	14.265.744	100
Cổ đông trong nước	760	14.226.372	99,72
* Tổ chức	20	42.373	0,29
* Cá nhân	740	14.183.999	99,43
Cổ đông nước ngoài	12	39.372	0,28
* Tổ chức	1	5.000	0,04
* Cá nhân	11	34.372	0,24



# THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

## QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

THỜI GIAN PHÁT HÀNH	ĐỐI TƯỢNG PHÁT HÀNH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SAU PHÁT HÀNH	VỐN ĐIỀU LỆ SAU PHÁT HÀNH
Tháng 01/2005	Vốn điều lệ ngay trước khi niêm yết		6,978,961	69,789,608,569
Tháng 05/2005	Các cổ đông	1,269,039	8,248,000	82,480,000,000
Tháng 06/2007	Các cổ đông	3,252,000	11,500,000	115,000,000,000
Tháng 04/2014	Các cổ đông hiện hữu	2,765,744	14,265,744	142,657,440,000

### 2013

### KẾT QUẢ KINH DOANH

### 2014

1,050,577,899,450	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,083,747,554,897
35,058,119,083	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29,567,617,955

### 2013

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

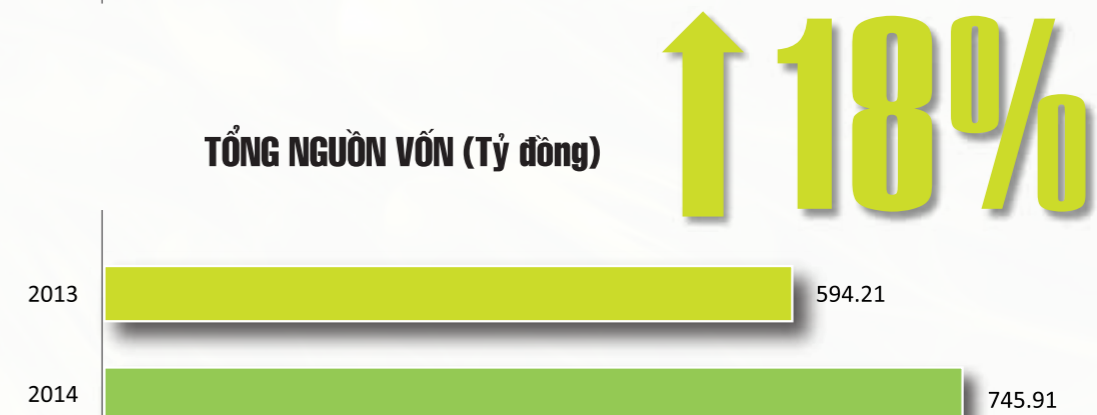
### 2014

594,214,106,726	TỔNG TÀI SẢN	745,913,240,554
370,607,357,257	Tài sản ngắn hạn	429,421,921,941
223,606,749,469	Tài sản dài hạn	316,491,318,613
386,055,391,125	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	501,241,168,287
1,010,531,537,929	Nợ ngắn hạn	1,235,257,385,090
208,158,715,601	Nợ dài hạn	244,672,072,267
594,214,106,726	TỔNG NGUỒN VỐN	745,913,240,554
208,158,715,601	Nguồn vốn chủ sở hữu	244,672,072,267

### TỔNG DOANH THU (Tỷ đồng)



### TỔNG NGUỒN VỐN (Tỷ đồng)



# ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.  
Phân tích SWOT công ty.  
Định hướng và tiêu chí.  
Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2015  
Giải pháp thực hiện.



“Khách hàng là **TRỌNG TÂM**, sản phẩm và dịch vụ **HOÀN HẢO**”, Nhựa **Rạng đông** chủ động tìm ra hướng đáp ứng sự thỏa mãn khách hàng về chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý và dịch vụ tốt nhất.

# THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa các Quý vị cổ đông và các nhà đầu tư

Năm 2014 tiếp tục là một năm có nhiều thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành nhựa nói riêng. Nguồn nguyên liệu nhựa biến động, phụ thuộc hoàn toàn vào nước ngoài gây ra tình trạng khó khăn, thụ động trong sản xuất. Bên cạnh đó, sức mua của thị trường suy giảm, sự hạn hẹp từ đầu ra tạo nên sức ép cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành.

Trong bối cảnh đó, tập thể Công ty Cổ Phần Nhựa **Rạng Đông** đã nỗ lực gấp bội để vượt qua mọi khó khăn thử thách, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra. Kết thúc năm 2014, tổng doanh thu hàng hoá và dịch vụ của công ty đạt 1.083 tỷ đồng, tăng 3,16% so với 2013. Trước diễn biến xấu của toàn ngành nhựa trong năm 2014, những giải pháp khắc phục ban lãnh đạo công ty đưa ra chỉ có thể giải quyết phần nào những trở ngại mà Nhựa **Rạng Đông** gặp phải, lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 13% so với 2013, đạt mức 22,7 tỷ đồng. Đây là mức suy giảm tối thiểu sau những nỗ lực khắc phục khó khăn của Ban lãnh đạo công ty.

Với tầm nhìn xa, rộng và phương châm đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm. Cuối năm 2014, đầu năm 2015 nhà máy nhựa Tiên Sơn với tổng vốn đầu tư lên đến 45 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng Đông** đi vào hoạt động, đánh dấu một bước phát triển mới của công ty. Nhà máy được đầu tư toàn bộ máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại của thế giới, chuyên sản xuất các sản phẩm bao bì mềm (màng co PE...), tôn ván nhựa phục vụ cho ngành công - nông nghiệp, thực phẩm,... Cùng với việc đầu tư, mở rộng thị trường trong nước, mảng kinh doanh xuất khẩu của công ty được đặc biệt chú trọng, trong năm 2014, doanh thu xuất khẩu đạt 67 tỷ đồng, tăng 15% so với 2013. Việc thâm nhập được các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, Châu Âu... mở ra cho Nhựa **Rạng Đông** cơ hội xuất khẩu sang nhiều thị trường tiềm năng khác trên thế giới.

Theo đuổi tiêu chí hoạt động “**Luôn luôn tốt hơn**”, trong năm 2014, Nhựa **Rạng Đông** đã mở rộng đầu tư nhiều dự án máy móc thiết bị công nghệ hiện đại để mỗi sản phẩm, dịch vụ của công ty hôm nay sẽ luôn tốt hơn hôm qua, tương lai sẽ tốt hơn hiện tại. Những khó khăn trước mắt vừa là rào cản, đồng thời chính là động lực để toàn thể ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ - công nhân viên công ty nhắc nhở mình phải nỗ lực hơn nữa để không bị đào thải trước quy luật khắc nghiệt của thương trường, đủ sức vươn bồm ra biển lớn, hội nhập cùng năm châu.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng Đông**, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Quý cổ đông và tập thể cán bộ - công nhân viên (CB-CNV) đã đóng góp, đồng hành cùng con đường phát triển của Công ty trong nhiều năm qua. Tin rằng trong năm tới, Nhựa **Rạng Đông** sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra.

Xin kính chúc Quý Cổ đông sức khoẻ, thành công và hạnh phúc!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*Hà Đức Lâm*



# PHÂN TÍCH SWOT CÔNG TY

## ĐIỂM MẠNH

Công ty CP Nhựa **Rạng đông** là thương hiệu lâu đời và uy tín trong ngành nhựa Việt Nam với bề dày kinh nghiệm sản xuất trên 50 năm.

Hệ thống máy móc, trang thiết bị được đầu tư hiện đại, đáp ứng các yêu cầu phức tạp về chất lượng, mẫu mã, màu sắc. Danh mục sản phẩm đa dạng, năng lực sản xuất lớn, đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng của đối tác.

Chính sách chất lượng được công bố minh bạch, cam kết chịu trách nhiệm với mỗi đơn hàng giao cho đối tác.

Hệ thống chi nhánh trải khắp 3 miền, chính sách đại lý rõ ràng, công bằng, luôn thực hiện đúng các chế độ công bố, nhờ đó **Rạng đông** đã xây dựng được hệ thống đại lý trung thành và gắn bó lâu năm với công ty.

Chính sách đầu tư và cải tiến liên tục về công nghệ, chính sách lao động được nâng cao giúp **Rạng đông** luôn đứng ở vị trí tiên phong trong ngành, kịp thời tiếp thu và ứng dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến của thế giới.

Đội ngũ nhân lực năng động, có trình độ chuyên môn cao và tâm huyết với công việc là tài sản quý báu để thúc đẩy **Rạng đông** ngày càng phát triển lớn mạnh.

## SWOT

## ĐIỂM YẾU

Nguồn nguyên liệu phụ thuộc phần lớn vào nước ngoài. Có đến 80% nguyên liệu nhựa Việt Nam phải nhập khẩu, điều này gây ra tình trạng bị động trong sản xuất đối với các doanh nghiệp nhựa. Đây cũng là khó khăn lớn của Công ty CP Nhựa **Rạng đông**

Hệ thống ngân hàng vẫn chưa ổn định, ảnh hưởng đến chính sách tài chính dành cho khách hàng.

Nguồn hàng nhập về bằng con đường tiểu ngạch ngày càng lớn làm giảm năng lực cạnh tranh.

## THÁCH THỨC

Thị trường nhựa có sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, nguồn hàng từ Trung Quốc với giá thành rẻ, màu sắc mẫu mã đa dạng đi theo đường tiểu ngạch ồ ạt tràn vào thị trường Việt Nam gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp nhựa trong nước, trong đó có Nhựa **Rạng đông**

Với con số tới 80% nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành nhựa phải nhập từ nước ngoài, điều này cho thấy các doanh nghiệp nhựa còn phụ thuộc và luôn bị động về khâu nguyên liệu sản xuất. Đây cũng là vấn đề chung của toàn ngành và là một thách thức lớn, cản trở sự phát triển của Công ty CP Nhựa **Rạng đông**

Sự phát triển thị trường nội địa của ngành nhựa, đặc biệt là các sản phẩm như: Bao bì, giả da, màng mỏng... phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển vĩ mô của nền kinh tế. Do đó, với tình trạng nền kinh tế Việt Nam còn nhiều biến động như hiện nay, ngành nhựa cũng gắn liền với xu hướng phát triển thiếu ổn định, chưa bền vững.

Giá dầu thô trên thế giới tăng giảm bất ổn định, làm cho giá nguyên liệu đầu vào của ngành nhựa luôn ở trong tình trạng bấp bênh, khó lường.

## CƠ HỘI

Ngành Nhựa Việt Nam đang trên đà phát triển với tốc độ tăng trưởng trung bình 15%/năm. Các sản phẩm nhựa **Rạng đông** tham gia sản xuất như: Bao bì, giả da, màng mỏng, tôn ván nhựa và áo mưa... phục vụ rộng rãi cho nhiều ngành sản xuất và tiêu dùng, do đó cơ hội phát triển là rất lớn.

Xu hướng giảm của giá dầu thế giới cùng với việc chính phủ xem xét lại chính sách thuế quan xuất khẩu của ngành nhựa, tạo điều kiện cho ngành nhựa nói chung và Nhựa **Rạng đông** nói riêng giảm chi phí đầu đầu vào, tăng năng lực cạnh tranh.

Các dòng sản phẩm mới liên tục được công ty nghiên cứu, thử nghiệm nhằm đa dạng hoá ngành hàng. Đây là những điều kiện quan trọng, làm đòn bẩy để Nhựa **Rạng đông** phát triển nhanh và mạnh hơn trong những năm sắp tới.

Hoạt động xuất khẩu ngày càng được đẩy mạnh, năm 2014 doanh thu xuất khẩu đạt 67 tỷ đồng, tăng 15% so với 2013. Đặc biệt, với việc thâm nhập được các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật, Châu Âu... mở ra cho **Rạng đông** cơ hội xuất khẩu sang nhiều thị trường tiềm năng khác trên thế giới.

# SWOT

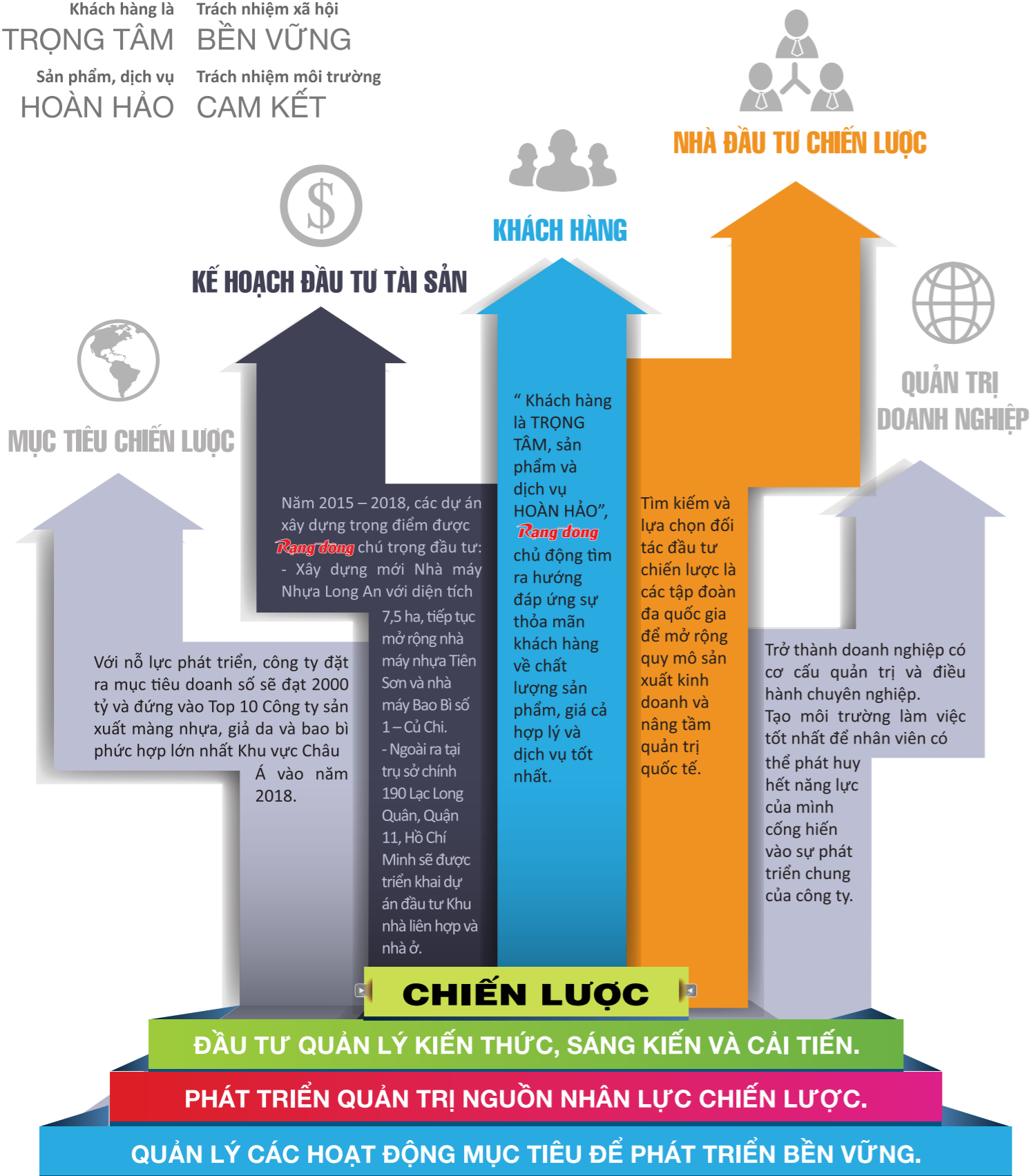




# ĐỊNH HƯỚNG & TIÊU CHÍ 2015

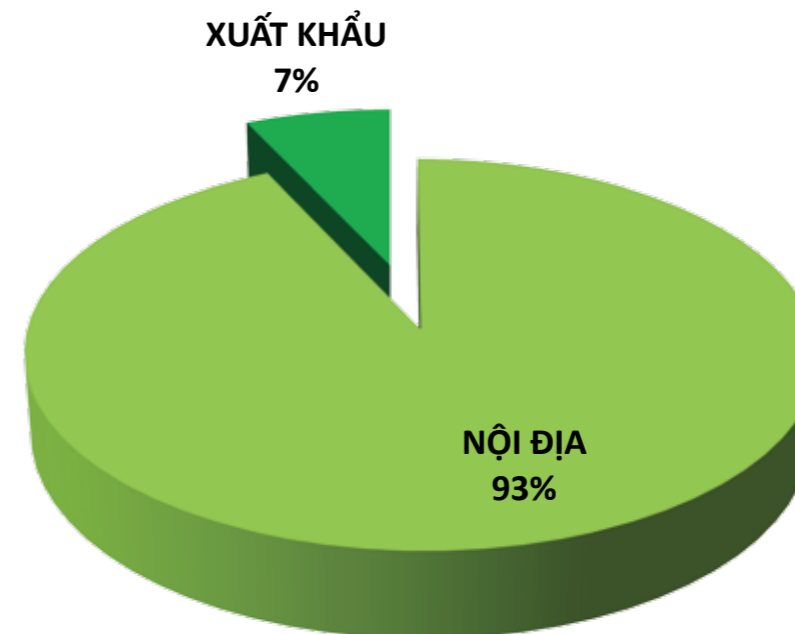
Khách hàng là **TRỌNG TÂM** Trách nhiệm xã hội **BỀN VỮNG**

Sản phẩm, dịch vụ **HOÀN HẢO** Trách nhiệm môi trường **CAM KẾT**



# CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015

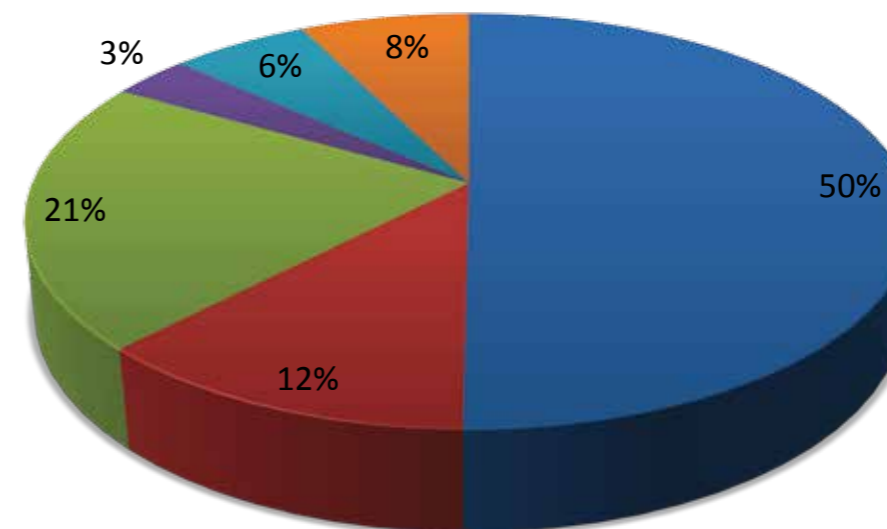
MỤC TIÊU DOANH THU 2015 THEO ĐƠN VỊ KINH DOANH



Xuất khẩu 2015  
**107,9 TỶ**  
 (dự kiến tăng 61.7 % so với 2014)

MỤC TIÊU DOANH THU 2015 THEO DÒNG SẢN PHẨM

■ Bao bì ■ Giỏ da ■ Màng mỏng ■ Tôn, ván nhựa ■ Sản phẩm chế biến ■ Vật tư nguyên liệu



Doanh thu 2015  
**1369 TỶ**  
 (dự kiến tăng 27,4 % so với 2014)

## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

# NHÓM BAO BÌ

### DÒNG MÀNG GHÉP

Tiếp tục đầu tư công nghệ hiện đại để tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu cho các tập đoàn đa quốc gia.

### DÒNG MÀNG PE CO

Mở rộng xuất khẩu sang các nước lân cận.

### DÒNG MÀNG PVC CO

Tối ưu hóa quy trình từ ý tưởng thiết kế đến sản xuất và bảo quản lưu kho, giao hàng để rút ngắn công đoạn trong quá trình tạo sản phẩm cho đến khách hàng.

Duy trì khai thác triệt để hiệu suất sử dụng máy.



SẢN LƯỢNG BAO BÌ THỜI 2015

**6,170 TẤN**

(dự kiến tăng 25 % so với 2014)

SẢN LƯỢNG BAO BÌ GHÉP VÀ ĐƠN 2015

**77,2 TRIỆU M<sup>2</sup>**

(dự kiến tăng 33,6 % so với 2014)

# NHÓM GIẤ DA

### NHÓM GIẤ DA NỘI ĐỊA

Đầu tư đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, nắm bắt xu hướng để dẫn đầu thị trường.

### NHÓM GIẤ DA XUẤT KHẨU

Đẩy mạnh phát triển kênh nội địa, lấn chiếm thị phần hàng nhập khẩu.

Đa dạng hóa sản phẩm ứng dụng phù hợp cho nhiều ngành nghề như nội thất, ngoại thất, phụ kiện (túi xách, ví dây nịt, bìa sổ...), giày dép, yên xe...

Nghiên cứu đẩy mạnh những dòng hàng Giấ da với tiêu chuẩn cao ứng dụng trong ngành du thuyền đang xuất khẩu sang Mỹ và Châu Âu.



## NHÓM MÀNG MỎNG

### MÀNG PVC KHÔNG IN HOA

Triển khai chương trình thúc đẩy bán hàng nhằm đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng doanh số và lợi nhuận qua mỗi năm.

### MÀNG PVC IN HOA TRẢI BÀN

Đầu tư công tác nghiên cứu và phát triển kịp thời tung hàng vân mới, hoa văn trải bàn mới theo mùa đón đầu thị trường.

### MÀNG PVC IN HOA ĐI MƯA

Mở rộng kênh xuất khẩu thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại và hội chợ triển lãm.

### MÀNG F1, F2

Khai thác tăng trưởng nhóm khách hàng trọng điểm bằng các chương trình ưu đãi ưu tiên vào mùa thấp điểm.

### MÀNG PE - EVA

### MÀNG MỎNG CHỐNG THẤM



## NHÓM SP CHẾ BIẾN

### ÁO MƯA QUẢNG CÁO

Triển khai các chương trình ưu đãi cho khách hàng theo mùa vụ.

### DÒNG MÀNG PVC CO

Đa dạng hóa sản phẩm không riêng dòng áo mưa, nhằm đẩy mạnh doanh số cho nhóm sản phẩm này.

Quảng bá chất lượng cũng như mẫu mã sản phẩm mới thông qua các kỳ hội chợ tiêu dùng Hàng VNCLC theo chiến lược mỗi năm.

Đẩy mạnh thương hiệu áo mưa Rạng Đông bằng hình ảnh “Chất lượng và Uy tín”.



# GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

## NHÓM TÔN VÁN

### VÁN PP

Mở rộng thị phần những khu vực trọng điểm như Miền Bắc và Miền Trung.

### VÁN PVC

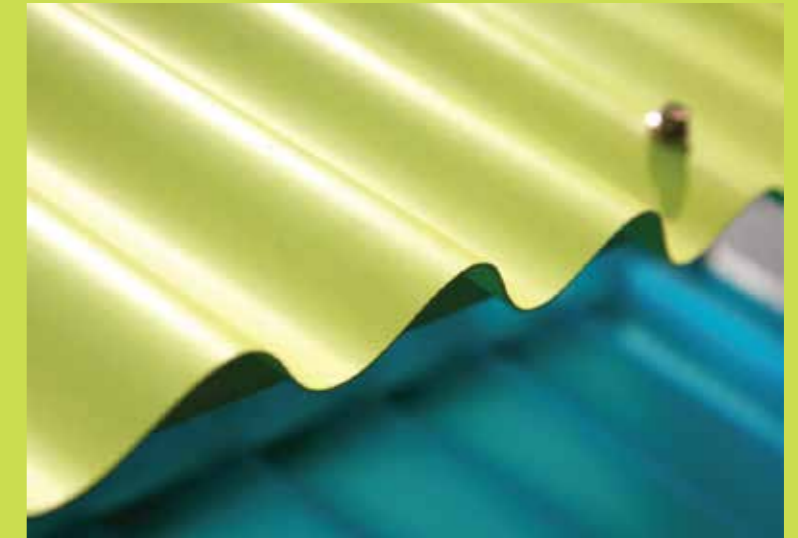
Nâng cao chất lượng sản phẩm bằng các tính năng vượt trội .

Đẩy mạnh vào kênh các dự án nông nghiệp.

### TÔN PVC

Triển khai chiến dịch truyền thông chống hàng giả tôn nhựa Rạng Đông trên toàn quốc.

### TÔN VÁN XUẤT KHẨU

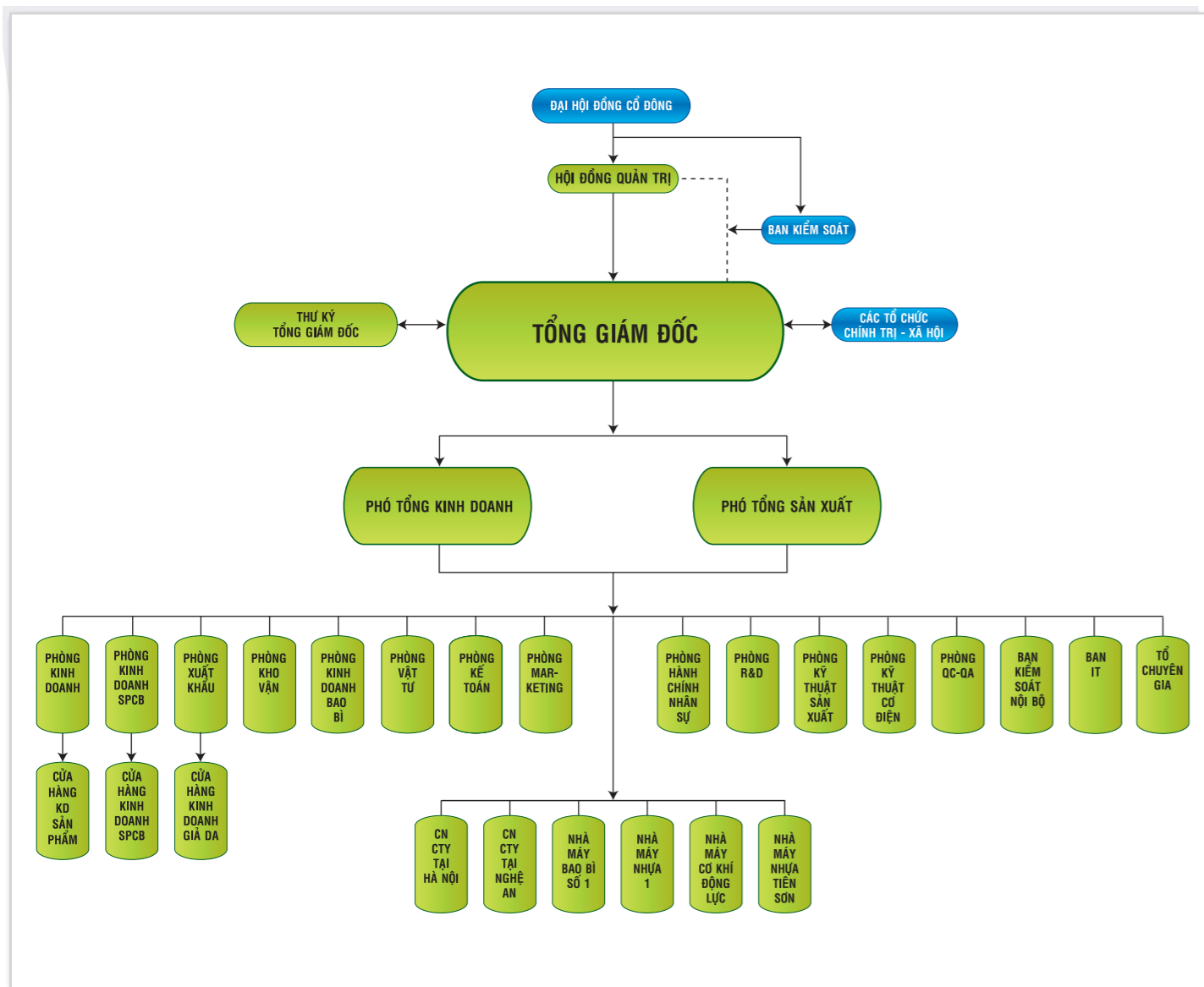


# BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu quản lý và Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Ban Hội Đồng Quản Trị.  
Giới thiệu Ban Kiểm Soát.  
Giới thiệu Ban Điều Hành.



# CƠ CẤU QUẢN LÝ VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



# GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## Ông HỒ ĐỨC LAM

**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Nhựa Rang đông .  
Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam.**

Từ 1981 -1984: Công nhân điện Nhà máy Diêm Hòa Bình.  
Từ 1985- 12-2005: Công nhân điện XN Nguyên liệu giấy, TP. Kỹ thuật Công ty CP Nhựa **Rang đông**, Phó TGD Công ty CP Nhựa **Rang đông**.  
Từ 1/2006 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa **Rang đông**.



## Ông HỒ ĐỨC DŨNG

**Giám đốc P.Cung Ứng Công ty cổ phần Nhựa Rang đông.**

Từ 2009 đến 5-2014: Giám Đốc Công ty TNHH MTV SXTM & DV Hồ Đức.  
Từ 5-2014 đến nay: Giám đốc P.Cung Ứng Công ty CP Nhựa **Rang đông**



## Ông NGUYỄN ĐẮC HẢI

**Phó TGD Kinh doanh kiêm GD Tài chính Công ty Cổ phần Nhựa Rang đông.**

Từ 1996- 2/2004: Kế toán Tổng hợp , Công ty Dệt may Thành Công  
Từ 3/1004 – 12/2005: Tổ phó chuyên trách BQL dự án, Trưởng ban CNTT,  
Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa **Rang đông**  
Từ 12/2005 đến 2014: Phó phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng TCKT,  
Kế toán Trưởng Công Ty CP Nhựa **Rang đông**  
Từ 2014 đến nay là Phó TGD Kinh doanh kiêm GD Tài chính  
Công ty CP. Nhựa **Rang đông**



## Ông HỒ PHI HẢI

**Phó TGD Công ty Cp Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam.**

Từ 1997-1998: Nhân viên kỹ thuật Công ty Nhựa Bình Minh.  
Từ 1998-2000: Nhân viên kỹ thuật Công ty Elf-Atochem Vietnam.  
Từ 2000- nay: Giám đốc Công ty TNHH Nhựa Tín Mỹ.  
Từ 2007-nay: Phó TGD Công ty Cp Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam.



## Bà TRẦN THỊ LĨNH

**Nhân viên Phòng XNK Công ty CP bóng đèn Điện Quang.**

Từ 2004 – 2007: Nhân viên P. Marketing Công ty CP bóng đèn Điện Quang.  
Từ 2007 – 2009: Nhân viên Phòng KHVT Công ty CP bóng đèn Điện Quang.  
Từ 2009 đến nay: Nhân viên Phòng XNK Công ty CP bóng đèn Điện Quang.





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

Báo cáo Quản trị công ty.

Báo cáo rủi ro.

Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 2014.

Tình hình tài chính

Tình hình thực hiện dự án đầu tư tài sản.

Nghiên cứu & phát triển sản phẩm.

Cải tiến chất lượng nguyên liệu.

Các giải thưởng và danh hiệu đạt được trong năm.

Công tác môi trường, xã hội

Báo cáo hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư.



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2014, HĐQT Công ty CP Nhựa **Rạng Đông** tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong việc quản lý điều hành để duy trì mức tăng trưởng doanh thu, quá trình nỗ lực gấp bội để vượt qua mọi khó khăn thử thách, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong 6 tháng cuối năm 2014:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Đức Hải	Thành viên	4/4	100%	
3	Ông Lê Long	Thành viên	3/4	75%	Không làm thành viên HĐQT từ ngày 17/10/2014.
4	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Thành viên	3/4	75%	Không làm thành viên HĐQT từ ngày 17/10/2014.
5	Ông Lê Thanh Phương	Thành viên	3/4	75%	Không làm thành viên HĐQT từ ngày 17/10/2014.
6	Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	1/4	25%	Làm Thành viên HĐQT từ ngày 17/10/2014.
7	Ông Hồ Phi Hải	Thành viên	1/4	25%	Làm Thành viên HĐQT từ ngày 17/10/2014.
8	Bà Trần Thị Lĩnh	Thành viên	1/4	25%	Làm Thành viên HĐQT từ ngày 17/10/2014.

## CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HĐQT:

- Thông qua các văn kiện đại hội cổ đông 2014 và chương trình đại hội.
- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2014 vào ngày 27/6/2014.
- Triển khai các nội dung đã được cổ đông biểu quyết tại Đại hội.
- Tiến hành Đại hội cổ đông bất thường ngày 17/10/2014 bầu lại Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3.
- Tiếp tục triển khai các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội cổ đông 2014.

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC:

- Rà soát việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2014 và kiểm điểm việc thực hiện các chỉ tiêu cuối năm 2013 theo nghị quyết Đại hội cổ đông 2014.
- + Triển khai các dự án đầu tư máy móc thiết bị nhằm tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh của công ty: Máy sản xuất màng 3 lớp, máy xử lý giả da, máy sản xuất túi 3 biên, Máy thổi 5 lớp, Các máy phụ trợ cho dây chuyền sản xuất nhân bia,...
- + Nhà máy Nhựa Tiên Sơn (Bắc Ninh) chính thức hoạt động sản xuất cung cấp sản phẩm cho thị trường phía Bắc, mở rộng Nhà máy Bao Bì số 1 (Củ Chi, Tp.HCM)...
- + Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu qua các phương tiện truyền thông, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- + Thực hiện chương trình tiết kiệm chi phí đối với toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- + Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn hiệu quả; công tác thu chi, hạch toán kế toán theo đúng chuẩn mực quy định.
- + Công tác tài chính và công bố thông tin minh bạch, đúng quy định.
- + Công tác nhân sự, tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người lao động đúng quy định của pháp luật.

## HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT:

### a/ Tiểu ban nhân sự:

- Triển khai một số giải pháp về tổ chức, nhân sự và hành chính của công ty, tổng số lao động công ty.
- Thực hiện công tác đào tạo nội bộ và bên ngoài nhằm củng cố và xây dựng bộ máy quản lý hiệu quả trong giai đoạn mới.
- Đảm bảo định biên lao động để tăng năng suất và hợp lý hóa sản xuất.
- Củng cố hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo chuẩn 5S.
- Giám sát các chỉ tiêu được ĐHCĐ 2014 giao trên cơ sở theo dõi tổng hợp các hoạt động thực tiễn hàng ngày để định hướng mọi hoạt động của công ty.
- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức một số đơn vị trong công ty để nâng cao tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu và kinh doanh nội địa.

### b/ Tiểu ban lương thưởng:

- Đảm bảo mức lương thưởng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2014:

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	315/NQ-HĐQT	12/2/2014	Nghị quyết HĐQT thu hồi cổ phiếu esop.
2	316/NQ-HĐQT	12/2/2014	Nghị quyết HĐQT trao quyền cổ phiếu esop .
3	956/QĐ-HĐQT	02/4/2014	Quyết bổ nhiệm giám đốc chi nhánh Hà Nội.
4	1464/QĐ-HĐQT	02/4/2014	Quyết định thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh.
5	1496/QĐ-HĐQT	08/5/2014	Thông qua các nội dung họp HĐQT.
6	1724/NQ-HĐQT	10/5/2014	Tạm ứng cổ tức năm 2013.
7	1547/NQ-HĐQT	15/5/2014	Thông qua kết quả phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
8	1548/NQ-HĐQT	15/5/2014	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng.
9	3368/NQ-ĐHCĐ	17/10/2014	Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường năm 2014.
10	3829/NQ-HĐQT	28/10/2014	Nghị quyết HĐQT v/v thông qua phương án đầu tư máy thổi màng 5 lớp.
11	3920/QĐ-HĐQT	05/12/2014	Quyết định của CT.HĐQT v/v phê duyệt dự án và tổng dự toán dự án đầu tư nâng cấp cải tiến thiết bị tiết kiệm năng lượng tại Nhà máy bao bì số 1 Củ Chi - Tp.Hồ Chí Minh.

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức danh	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ
1	Hồ Đức Lam	061C103320	Chủ tịch HĐQT - TGD	024332090	09/11/04	M3 Cư xá Tân Sơn Nhì, P.14, Q.Tân Bình, TPHCM
2	Hồ Phi Hải		Thành viên HĐQT	022414423	30/03/09	117 Lê Thị Riêng, Q1, TP.HCM
3	Hồ Đức Dũng		Thành viên HĐQT - GD.VT	023881074	30/03/01	M3 Cư xá Tân Sơn Nhì, P.14, Q.Tân Bình, TPHCM
4	Trần Thị Lĩnh		Thành viên HĐQT	024752231	18/12/07	5.10 lô M1, Chung cư Tôn Thất Thuyết, P.1, Q4,TP.HCM
5	Nguyễn Đắc Hải	093C182567	Thành viên HĐQT - GĐTC	024745486	21/05/07	36 Đường số 15 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.TBinh, TP.HCM

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức danh	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ
6	Hồ Đức Lam	061C103320	Chủ tịch HĐQT - TGD	024332090	09/11/04	M3 Cư xá Tân Sơn Nhì, P.14, Q.Tân Bình, TPHCM
7	Nguyễn Văn Thường		Phó Tổng Giám đốc	029602545	24/07/01	207 Thống Nhất, P.Tân Thành, Q.Tân Phú, TPHCM
8	Nguyễn Đắc Hải	093C182567	Thành viên HĐQT - GĐTC	024745486	21/05/07	36 Đường số 15 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.TBinh, TP.HCM

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Thành viên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức danh	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ
9	Nguyễn Thị Thu Cúc	061C103322	Thành viên HĐQT - GD.HCNS	022717469	21/08/03	163/14/10 Tô Hiến Thành, P.13, Q.10.TP.HCM.

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức danh	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ
10	Lê Hạnh Dinh		Trưởng Ban kiểm soát	022704198	01/07/95	120 Nguyễn Chi Phương, P.7, Q.5, TPHCM
11	Lương Trung Hiếu		Thành viên Ban kiểm soát - GD.CKĐL	022457696	08/01/01	386 An Dương Vương, P.4, Q.5, TPHCM
12	Nguyễn Thị Thuỳ Liên		Thành viên Ban kiểm soát	022518917	10/04/12	15/104/4 đường Hòa Bình, P3, Q11, TPHCM

## GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn NN	Cổ đông lớn	6.233.682	43,36	0	0	Bán thoái vốn
2	Hồ Đức Lam	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	2.769.179	19,41	3.461.473	24,26	Mua phát hành thêm
3	Nguyễn Đắc Hải	Thành viên HĐQT - Phó TGD	9.054	0,06	11.317	0,08	Mua phát hành thêm
4	Lê Thanh Phương	Thành viên HĐQT - Giám đốc NM Nhựa 1	19.887	0,14	24.857	0,17	Mua phát hành thêm
5	Nguyễn Thị Thu Cúc	Thành viên HĐQT - Giám đốc HCNS	10.000	0,07	12.500	0,09	Mua phát hành thêm
6	Nguyễn Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	12.089	0,08	15.110	0,11	Mua phát hành thêm
7	Lê Hạnh Dinh	Thành viên BKS - Phó Giám Kinh doanh	6.062	0,04	7.577	0,05	Mua phát hành thêm
8	Nguyễn Hoàng Ngân	Cổ đông lớn	276,970		2,776,970	19,32	Mua
9	Nguyễn Thị Hương Giang	Cổ đông lớn	1,263,167		2,796,849	19,46	Mua
10	Huỳnh Minh Đoàn	Cổ đông lớn	389,605		2,889,065	20,10	Mua
11	Nguyễn Văn Thường	Phó Tổng Giám Đốc	15,110	0.11%	15,110	0	Bán

# BÁO CÁO RỦI RO CÔNG TY

Năm 2014, Việc quản trị rủi ro được Ban Tổng Giám Đốc chủ động điều hành đưa ra các giải pháp đôn đốc nhằm kiểm soát hạn chế mọi rủi ro vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần tạo nền tảng phát triển bền vững.

## GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC RỦI RO TÍN DỤNG:

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

### RỦI RO CON NGƯỜI

Đội ngũ chủ chốt thường xuyên đào tạo và cập nhật các kiến thức quản lý rủi ro theo phù hợp từng công đoạn đến các nhân sự trong cơ cấu.

### RỦI RO QUY TRÌNH

Tập trung kiểm soát các rủi ro hàng đầu mà công ty đặt ra trong vùng chiến lược bền vững. Áp dụng kỹ thuật mới và công nghệ tiên tiến trong việc tự kiểm soát, đánh giá và phát hiện rủi ro để thực thi báo cáo chính xác theo đúng quy trình quản lý rủi ro.

### RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### RỦI RO HỆ THỐNG

Nghiên cứu và đánh giá các công cụ, phần mềm tự động hóa để đưa vào ứng dụng phù hợp nhằm nâng cao trong quản trị rủi ro. Duy trì đảm bảo tính thống nhất tuân thủ quy định trong quản trị rủi ro.

## RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	TỪ 01 NĂM TRỞ XUỐNG	TỪ TRÊN 01 NĂM ĐẾN 05 NĂM	TRÊN 05 NĂM	CỘNG
Số cuối năm	405.628.370.369	50.124.678.259	12.360.815.803	468.113.864.431
Các khoản vay	311.956.127.609	49.522.653.067	12.360.815.803	373.839.596.479
Phải trả người bán	79.908.347.278	-	-	79.908.347.278
Phải trả khác	5.653.082.623	602.025.192	-	6.255.107.815
Chi phí phải trả	8.110.812.859	-	-	8.110.812.859
Số đầu năm	315.451.645.963	36.116.705.062	-	351.568.351.025
Các khoản vay	239.044.965.837	35.514.679.870	-	274.559.645.707
Phải trả người bán	69.166.502.923	-	-	69.166.502.923
Phải trả khác	1.869.007.210	602.025.192	-	2.471.032.402
Chi phí phải trả	5.371.169.993	-	-	5.371.169.993

### RỦI RO KHÁCH HÀNG

Ngoài việc quản lý nhóm khách hàng lớn đảm bảo việc duy trì và tăng trưởng doanh số, đặc biệt nhóm khách hàng này chiếm trên 75% tổng doanh số, công ty còn xây dựng nhóm khách hàng mới tiềm năng luôn đáp ứng doanh thu sẵn sàng.

### RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### RỦI RO VỀ GIÁ KHÁC

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác.

### RỦI RO NGOẠI TỆ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2014

Năm 2014 tiếp tục là một năm có nhiều thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành nhựa nói riêng. Nguồn nguyên liệu nhựa biến động, phụ thuộc hoàn toàn vào nước ngoài gây ra tình trạng khó khăn, thụ động trong sản xuất. Bên cạnh đó, sức mua của thị trường suy giảm, sự hạn hẹp từ đầu ra tạo nên sức ép cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành.



Kết thúc năm 2014, tổng doanh thu hàng hoá và dịch vụ của công ty đạt 1.083 tỷ đồng, tăng 3,16% so với 2013. Trước diễn biến xấu của toàn ngành nhựa trong năm 2014, những giải pháp khắc phục ban lãnh đạo công ty đưa ra chỉ có thể giải quyết phần nào những trở ngại mà Nhựa **Rạng đông** gặp phải, lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 13% so với 2013, đạt mức 22,7 tỷ đồng. Đây là mức suy giảm tối thiểu sau những nỗ lực khắc phục khó khăn của Ban lãnh đạo công ty.

Doanh thu 2014  
**1083 TỶ**  
(tăng 3,1 % so với 2013)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014 (đồng)	Năm 2013 (đồng)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.083.747.554.897	1.050.577.899.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.122.698.004	6.148.765.222
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.079.624.856.893	1.044.429.134.228
4. Giá vốn hàng bán	11	968.150.185.397	929.336.927.103
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	111.474.671.496	115.092.207.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	449.449.233	496.087.601
7. Chi phí tài chính	22	24.790.049.874	24.187.845.445
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	23.090.328.941	21.551.234.492
8. Chi phí bán hàng	24	28.459.112.764	26.216.956.929
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27.236.199.787	30.224.149.492
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	31.438.758.304	34.959.342.860
11. Thu nhập khác	31	363.043.553	234.565.083
12. Chi phí khác	32	2.234.183.902	135.788.860
13. Lợi nhuận khác	40	(1.871.140.349)	98.776.223
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29.567.617.955	35.058.119.083
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	6.778.941.483	8.861.973.019
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	22.788.676.472	26.196.146.064
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.673	2.145

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2014

Công ty có lượng tiền và tương đương tiền tồn cuối năm 2014 là 10,49 tỷ, tăng hơn 75% so với cùng kỳ năm 2013. Tiền thuần tăng lên là do chủ yếu tạo ra từ lợi nhuận.

Lượng tiền và tương đương tiền cuối 2014

## 10,49 TỶ

(tăng 76 % so với 2013)

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	745.913.240.554	594.214.106.726	25,53%
Doanh thu thuần	1.079.624.856.893	1.044.429.134.228	3,37%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.438.758.304	34.959.342.860	-10,07%
Lợi nhuận khác	-1.871.140.349	98.776.223	-1.994,32%
Lợi nhuận trước thuế	29.567.617.955	35.058.119.083	-15,66%
Lợi nhuận sau thuế	22.788.676.472	26.196.146.064	-13,01%

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,98	1,06	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	0,48	0,41	
Nợ ngắn hạn			
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	66,58%	66,65%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	199,31%	199,87%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	4,64	4,29	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,45	1,75	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,11%	2,49%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	9,31%	13,10%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,06%	4,37%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	2,91%	3,35%	

Mặc dù chỉ số tài chính giảm nhẹ do sự tăng trưởng chậm của doanh số và lợi nhuận, nhưng nhìn chung tình hình tài chính công ty vẫn tiếp tục duy trì vững mạnh.

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

Các chỉ tiêu	Năm 2014
Tình hình tài sản:	
+ Chỉ số hiệu quả tài sản hoạt động	0,38
+ Chỉ số phải thu	9,99
Tình hình nợ phải trả:	
+ Chỉ số nợ phải trả:	10,65

Trong năm nay, Công ty không có nợ xấu phải trả, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2014:

Chỉ tiêu	Năm 2014 (đồng)	Năm 2013 (đồng)
<b>I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>29.567.617.955</b>	<b>35.058.119.083</b>
<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		
Khấu hao tài sản cố định	29.194.064.564	27.760.914.965
Các khoản dự phòng	1.588.178.123	(8.052.719.517)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.181.931.735	(531.806.017)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	23.090.328.941	21.551.234.492
Chi phí lãi vay	<b>84.622.121.318</b>	<b>75.785.743.006</b>
<b>3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	(66.647.436.755)	(3.811.576.181)
Tăng, giảm các khoản phải thu	9.158.362.069	(9.347.253.728)
Tăng, giảm hàng tồn kho	16.556.862.380	(7.892.993.085)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	3.147.580.342	(1.554.075.322)
Tăng, giảm chi phí trả trước	(22.869.711.797)	(21.803.442.141)
Tiền lãi vay đã trả	(9.029.417.041)	(8.657.520.329)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	261.000.000	450.000.000
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	(1.369.477.342)	(3.689.882.786)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	<b>13.829.883.174</b>	<b>19.478.999.434</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	(125.188.866.151)	(38.566.676.509)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	272.727.273	224.545.454
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ đơn vị khác	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	145.803.188	307.260.563
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	<b>(124.770.335.690)</b>	<b>(38.034.870.492)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		

Chỉ tiêu	Năm 2014 (đồng)	Năm 2013 (đồng)
<b>III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	27.657.440.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	949.594.155.624	849.434.949.212
Tiền chi trả nợ gốc vay	(850.314.204.852)	(818.355.044.620)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	- (11.445.460.040)	- (13.487.471.400)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	<b>115.491.930.732</b>	<b>17.592.433.192</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>4.551.478.216</b>	<b>(963.437.866)</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>5.939.685.208</b>	<b>6.903.123.074</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>10.491.163.424</b>	<b>5.939.685.208</b>

Lượng tiền và tương đương tiền cuối 2014

**10,49 TỶ**  
(tăng 76 % so với 2013)

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2014

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH 2014:

Chỉ tiêu	Năm 2014 (đồng)	Năm 2013 (đồng)
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.491.163.424	5.939.685.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.842.957.162	99.856.600.844
Đầu tư dài hạn khác	1.186.396.520	1.186.396.520
<b>Cộng</b>	<b>154.520.517.106</b>	<b>106.982.682.572</b>
<b>CÔNG NỢ TÀI CHÍNH</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	86.163.455.093	71.637.535.325
Chi phí phải trả	8.110.812.859	5.371.169.993
Các khoản vay	373.839.596.479	274.559.645.707
<b>Cộng</b>	<b>468.113.864.431</b>	<b>351.568.351.025</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.



# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI SẢN 2014

ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ 2014:

STT	DỰ ÁN	KẾ HOẠCH 2014 (đồng)	THỰC HIỆN 2014 (đồng)	% THỰC HIỆN
<b>I - NHÀ MÁY BAO BÌ SỐ 1</b>		<b>97.873.500.000</b>	<b>50.809.446.000</b>	<b>51,91%</b>
1	Thiết bị sản xuất nhân giấy chai bia (Đầu tư GD 2 - nâng cao chất lượng và sản lượng)	21.300.000.000	1.593.240.000	7,48%
1.1	Máy cắt tờ- Rotary Sheeter ( Anh/Mỹ)	12.780.000.000	0	0%
1.2	Máy ép vân giấy (Hàn Quốc)	3.834.000.000	1.593.240.000	41,56%
1.3	Máy cắt dập tốc độ cao (Đức)	1.917.000.000	0	0%
1.4	Máy vẽ giấy (Đức)	852.000.000	0	0%
1.5	Máy bế giấy (Đức)	1.917.000.000	0	0%
2	Máy in flexo ( 4 màu) liên hoàn khổ hẹp làm nhãn hàng decal ( Anh Quốc)	10.650.000.000	0	0%
3	Máy chia cuộn tốc độ cao 400m/p (Đài Loan)	3.834.000.000	0	0%
4	Máy quấn kiểm xử lý cuộn khổ nhỏ 600 (Đài Loan)	958.500.000	849.870.000	88,67%
5	Máy quấn kiểm dò lỗi bán thành phẩm in khổ lớn ( Máy quấn kiểm và HT dò lỗi tự động)	4.686.000.000	1.780.680.000	38,00%
6	Máy đánh bóng trực in (Trung Quốc)	1.278.000.000	0	0%
7	Máy kiểm dò lỗi in trang bị cho máy in 7 màu/ 12 màu	1.917.000.000	0	0%
8	Máy thổi màng 7/ 9 lớp ( Châu Âu) > Chuyển sang đầu tư máy thổi màng 5 lớp	53.250.000.000	38.340.000.000	72,00%
<b>NGOÀI KẾ HOẠCH 2014</b>			<b>8.245.656.000</b>	
	1- Máy thổi PVC co khổ 1m		3.301.500.000	
	2- Máy chia cuộn PVC co - loại trục airshaft		1.463.736.000	
	3- Máy dán giữa PVC co		1.456.920.000	
	4- Máy kiểm quấn PVC co		2.023.500.000	
<b>II- NHÀ MÁY NHỰA 1</b>		<b>8.520.000.000</b>		
1	Dây chuyền sản xuất tôn PVC ( tôn trong/ tôn giả gỗ )	8.520.000.000	0	

Tổng giá trị đầu tư công nghệ 2014

**50,8 TỶ**

( ~ 51,9 % so với kế hoạch 2014)



# NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM 2014

Công tác nghiên cứu & phát triển sản phẩm luôn được công ty coi trọng và đầu tư đúng mức, nhằm nâng cao chất lượng và sự khác biệt sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng cũng như thị trường, đóng góp vào sự phát triển sản xuất kinh doanh.

STT	HẠNG MỤC
	<b>SẢN PHẨM MỚI GIẢ DA VÀ MÀNG NHỰA MỎNG</b>
01	Dòng sản phẩm Giả Da có hiệu ứng Pull up, mài mòn, twotone, wax, polish
02	Sản phẩm Giả Da đáp ứng tiêu chuẩn kháng UV cao ứng dụng ngoài trời
03	Sản phẩm Giả Da đáp ứng tiêu chuẩn mài mòn cao.
04	Sản phẩm Giả Da ghép metalize film theo công nghệ transfer
05	Nghiên cứu sản xuất Vải Terryloop thay thế hàng nhập Thái Lan, là đơn vị tiên phong tại Việt Nam
06	Sản xuất sản phẩm Giả Da đạt tiêu chuẩn Nonphthalate theo công nghệ tráng
07	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm Giả Da trên nền thun 4 chiều.
08	Phát triển mẫu mới Giả Da: 543 mẫu (vân, hoa, màu sắc)
	<b>SẢN PHẨM CẢI TIẾN GIẢ DA VÀ MÀNG NHỰA MỎNG</b>
01	Sản phẩm Giả Da trắng chống ngã vàng đáp ứng yêu cầu ngành sx Da Giày và Dụng cụ thể thao
02	Cải tiến tính năng sản phẩm Giả Da: Anti Blocking, Crocking, Rubtest.
03	Phát triển sản phẩm màng EVA in online.
04	Phát triển sản phẩm PVC ghép 2 mặt có tiêu chuẩn cơ lý cao dùng trong quân đội



Tổng giá trị đầu tư  
Nghiên cứu & phát triển  
sản phẩm 2014

# 3,6TỶ

STT	HẠNG MỤC
	<b>SẢN PHẨM MỚI BAO BÌ</b>
01	Nghiên cứu sản phẩm PE co chống dính (Pack to pack)
02	Sản phẩm Stretch hood đặc thù cho ngành đóng gói lô hạt nhựa
03	Sản xuất các cấu trúc mới của màng ghép
04	Nghiên cứu sản xuất mới màng in chuyển nhiệt (Transfer Film)
	<b>SẢN PHẨM CẢI TIẾN BAO BÌ</b>
01	Cải tiến cấu trúc màng nhôm phức hợp.
02	Cải tiến chất lượng PE co, PVC co.

Trong 05 nhóm sản phẩm chính của Công ty, công tác nghiên cứu & phát triển sản phẩm nhóm Bao bì đặc biệt được Công ty đầu tư các thiết bị thí nghiệm và kiểm nghiệm tối tân hiện đại nhất Việt Nam, do đặc thù tính năng sản phẩm yêu cầu tiêu chuẩn ngày càng cao từ các tập đoàn đa quốc gia.



# CẢI TIẾN NGUYÊN LIỆU 2014

Nguồn nguyên liệu nhựa biến động, phụ thuộc hoàn toàn vào nước ngoài gây ra tình trạng khó khăn, thụ động trong sản xuất. Bên cạnh đó, sức mua của thị trường suy giảm, sự hạn hẹp từ đầu ra tạo nên sức ép cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành. Trong bối cảnh đó, tập thể Công ty Cổ Phần Nhựa **Rạng đông** đã nỗ lực gấp bội để vượt qua mọi khó khăn thử thách, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra.



STT	HẠNG MỤC
	<b>CẢI TIẾN NGUYÊN LIỆU GIẢ DA VÀ MÀNG NHỰA MỎNG</b>
01	Sản phẩm Giả Da trắng chống ngã vàng đáp ứng yêu cầu ngành sx Da Giày và Dụng cụ thể thao
02	Cải tiến tính năng sản phẩm Giả Da: Anti Blocking, Crocking, Rubtest.
03	Phát triển sản phẩm màng EVA in online.
04	Phát triển sản phẩm PVC ghép 2 mặt có tiêu chuẩn cơ lý cao dùng trong quân đội
	<b>CẢI TIẾN NGUYÊN LIỆU BAO BÌ</b>
05	Nghiên cứu cải tiến công thức mới PVC co và các cấu trúc có nhôm để giảm chi phí.

Tổng nguyên liệu nhựa các loại sử dụng 2014  
**21,6 ngàn TẤN/ năm**

# CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU ĐẠT TRONG 2014

Được sự ghi nhận của các cơ quan chính phủ và đoàn thể qua các thành tích đạt được trong 2014, toàn thể công ty sẽ luôn phấn đấu nỗ lực không ngừng đóng góp vào công trình xây dựng kinh tế và phát triển đất nước.



Tên đơn vị được công nhận	Tên giải thưởng	Loại giải	Năm cấp	Tổ chức vinh danh
Công ty CP Nhựa <b>Rạng đông</b>	Thương hiệu quốc gia - Vietnam Value	Bằng khen	2014	Bộ Công Thương
Công ty CP Nhựa <b>Rạng đông</b>	Đạt thành tích xuất sắc trong cuộc vận động “Người Việt Ưu Tiên Dùng Hàng Việt”	Bằng khen	2014	UBND TP. Hồ Chí Minh
Công ty CP Nhựa <b>Rạng đông</b>	Đạt thành tích xuất sắc trong công tác đẩy mạnh xuất khẩu 2013	Bằng khen	2014	Bộ Công Thương
Nhà máy bao bì số 1	Chứng nhận ISO 14001:2004	Chứng nhận NHÀ MÁY BAO BÌ đạt chuẩn môi trường	2014	Trung tâm chứng nhận phù hợp – Quacert
Công ty CP Nhựa <b>Rạng đông</b>	Đạt thành tích Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2014	Bằng khen	2014	Hiệp Hội Hàng VNCLC và Báo Sài Gòn Tiếp thị



# CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI



Không chỉ chú trọng về chất lượng sản phẩm, mẫu mã đẹp và giá thành phù hợp, mà công tác bảo vệ môi trường cũng được ban lãnh đạo công ty chỉ đạo sát sao, trở thành mục tiêu hàng đầu trong hệ thống quản lý chất lượng của công ty.



# BÁO CÁO QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG 2014

Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin một cách linh hoạt đến các nhà đầu tư để cùng nắm rõ tình hình hoạt động Công ty.

Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2014 vào ngày 27/6/2014

Triển khai các nội dung đã được cổ đông biểu quyết tại Đại hội.

Tiến hành Đại hội cổ đông bất thường ngày 17/10/2014 bầu lại Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3.

Tiếp tục triển khai các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội cổ đông 2014.

Nhân dịp Hội nghị khách hàng 9/ 5/ 2014, Công ty đã mời tất cả các cổ đông và nhà đầu tư cùng tham dự giao lưu với khách hàng, đối tác.

Ngoài ra Công ty đã tham dự các chương trình hội thảo đầu tư trong nước và nước ngoài. Các thông tin tài chính và phi tài chính được công ty công bố đầy đủ kịp thời trên website công ty: [www.rdplastic.vn](http://www.rdplastic.vn)



Dự án tòa nhà tại 190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP.HCM



Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Thù lao HĐQT : 252.000.000 đồng/năm
- Thu nhập ban Giám đốc : 1.637.095.131 đồng/năm
- Thù lao BKS : 63.000.000 đồng/năm

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2014



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA *Rạng Đông*

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
đã được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG  
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đông theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Hoạt động chính của Công ty là: Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản lắp đặt bằng; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh nhà. Sản xuất hàng nhựa gia dụng, sản xuất hàng nhựa kỹ thuật: màng nhựa, giẻ da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Môi giới bất động sản; Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn). Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giẻ da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách; Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Mua bán hàng gia dụng (trừ được phẩm). Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Bao bì Nhựa Số 1	Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, H. Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Nghệ An	Số 9 Phan Bội Châu, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Hà Nội	Số 57 Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Nhà máy Nhựa Tiên Sơn	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	
Ông Lê Long	Thành viên	Đến ngày 17/10/2014
Ông Lê Thanh Phương	Thành viên	Đến ngày 17/10/2014
Ông Nguyễn Đắc Hải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Thành viên	Đến ngày 17/10/2014
Bà Trần Thị Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/10/2014
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/10/2014
Ông Hồ Phi Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/10/2014

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Đức Lam	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đắc Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Trưởng ban kiểm soát	Đến ngày 17/10/2014
Bà Lê Hạnh Dinh	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 17/10/2014
Ông Lương Trung Hiếu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thùy Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/10/2014

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Hành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc

Hồ Đức Lam  
Tổng Giám đốc

Số :60/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần nhựa Rạng Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông được lập ngày 10 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 12 tháng 02 năm 2015



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Cao Thị Hồng Nga

Chứng nhận đăng ký hành nghề số:  
0613-2013-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Minh Tiến

Chứng nhận đăng ký hành nghề số:  
0547-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			<b>429.421.921.941</b>	<b>370.607.357.257</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>100</b>	<b>V.1</b>	<b>10.491.163.424</b>	<b>5.939.685.208</b>
1. Tiền	111		10.491.163.424	5.939.685.208
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>195.492.215.267</b>	<b>129.215.891.969</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		126.831.074.881	100.098.267.200
2. Trả trước cho người bán	132		53.251.283.297	29.961.316.317
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	16.411.194.571	119.563.935
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.001.337.482)	(963.255.483)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>217.803.905.269</b>	<b>228.512.363.462</b>
1. Hàng tồn kho	141		220.608.517.505	229.766.879.574
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.804.612.236)	(1.254.516.112)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.634.637.981</b>	<b>6.939.416.618</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	1.361.528.083	2.999.338.178
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.596.855.591	1.882.292.421
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		715.985.053	186.862.844
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	960.269.254	1.870.923.175



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>316.491.318.613</b>	<b>223.606.749.469</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>602.025.192</b>	<b>602.025.192</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	V.6	602.025.192	602.025.192
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>306.481.427.606</b>	<b>212.087.088.215</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	232.619.064.439	162.715.083.129
- Nguyên giá	222		470.087.240.553	374.950.806.659
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.468.176.114)	(212.235.723.530)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	6.650.111.706	6.858.230.857
- Nguyên giá	228		7.993.758.177	7.993.758.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.343.646.471)	(1.135.527.320)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	67.212.251.461	42.513.774.229
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>7.714.506.935</b>	<b>7.714.506.935</b>
1. Nguyên giá	241		9.063.412.740	9.063.412.740
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.348.905.805)	(1.348.905.805)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11</b>	<b>1.186.396.520</b>	<b>1.186.396.520</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.186.396.520	1.186.396.520
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>506.962.360</b>	<b>2.016.732.607</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	506.962.360	2.016.732.607
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>745.913.240.554</b>	<b>594.214.106.726</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>501.241.168.287</b>	<b>386.055.391.125</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>438.755.674.225</b>	<b>349.938.686.063</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	311.956.127.609	239.044.965.837
2. Phải trả cho người bán	312		79.908.347.278	69.166.502.923
3. Người mua trả tiền trước	313		11.424.749.399	12.112.063.410
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	6.411.161.150	8.264.354.559
5. Phải trả người lao động	315		12.133.024.614	12.371.869.630
6. Chi phí phải trả	316	V.15	8.110.812.859	5.371.169.993
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	6.591.766.256	2.799.761.915
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.219.685.060	807.997.796
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>62.485.494.062</b>	<b>36.116.705.062</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		602.025.192	602.025.192
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	61.883.468.870	35.514.679.870
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>244.672.072.267</b>	<b>208.158.715.601</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>244.672.072.267</b>	<b>208.419.715.601</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		142.657.440.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.511.640.000	24.673.190.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.912.212.955	1.912.212.955
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		46.114.192.369	35.260.063.414
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.687.910.470	5.378.103.167
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.788.676.473	26.196.146.065
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>(261.000.000)</b>
1. Nguồn kinh phí			-	(261.000.000)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>745.913.240.554</b>	<b>594.214.106.726</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		487.163.899	3.706.956.235
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.790.402.095	1.735.667.477
5. Ngoại tệ các loại - USD			
- USD		18.500,19	20.110,58
- EUR		0,71	0,30

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc






Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Đức Hải

Hồ Đức Lam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.083.747.554.897	1.050.577.899.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.122.698.004	6.148.765.222
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.079.624.856.893	1.044.429.134.228
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	968.150.185.397	929.336.927.103
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.474.671.496	115.092.207.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	449.449.233	496.087.601
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	24.790.049.874	24.187.845.445
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		23.090.328.941	21.551.234.492
8. Chi phí bán hàng	24		28.459.112.764	26.216.956.929
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.236.199.787	30.224.149.492
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.438.758.304	34.959.342.860
11. Thu nhập khác	31	VI.7	363.043.553	234.565.083
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.234.183.902	135.788.860
13. Lợi nhuận khác	40		(1.871.140.349)	98.776.223
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.567.617.955	35.058.119.083
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.9	6.778.941.483	8.861.973.019
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.788.676.472	26.196.146.064
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	1.673	2.145

(\*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá (quyền mua) cho cổ đông hiện hữu tại ngày 24/04/2014.


Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Đức Hải

Hồ Đức Lam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		29.567.617.955	35.058.119.083
2. Điều chỉnh các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		29.194.064.564	27.760.914.965
- Các khoản dự phòng	3		1.588.178.123	(8.052.719.517)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		1.181.931.735	(531.806.017)
- Chi phí lãi vay	6		23.090.328.941	21.551.234.492
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8		84.622.121.318	75.785.743.006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(66.647.436.755)	(3.811.576.181)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.158.362.069	(9.347.253.728)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		16.556.862.380	(7.892.993.085)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.147.580.342	(1.554.075.322)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(22.869.711.797)	(21.803.442.141)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.029.417.041)	(8.657.520.329)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		261.000.000	450.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.369.477.342)	(3.689.882.786)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		13.829.883.174	19.478.999.434
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(125.188.866.151)	(38.566.676.509)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		272.727.273	224.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		145.803.188	307.260.563
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(124.770.335.690)	(38.034.870.492)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	31		27.657.440.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		949.594.155.624	849.434.949.212
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(850.314.204.852)	(818.355.044.620)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.445.460.040)	(13.487.471.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		115.491.930.732	17.592.433.192
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		4.551.478.216	(963.437.866)
<b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm</b>	60		5.939.685.208	6.903.123.074
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm</b>	70		10.491.163.424	5.939.685.208

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Đức Hải

Tổng Giám Đốc

  
Hồ Đức Lam



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đông theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Bao bì Số 1	Áp 11, Xã Tân Thạnh Đông, H. Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Nghệ An	Số 9 Phan Bội Châu, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Hà Nội	Số 57 Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Nhà máy Nhựa Tiên Sơn	Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh

2. Lĩnh vực kinh doanh : Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, Thương mại, và Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản lắp mặt bằng; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh nhà. Sản xuất hàng nhựa gia dụng, sản xuất hàng nhựa kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Môi giới bất động sản; Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn). Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách; Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Mua bán hàng gia dụng (trừ dược phẩm). Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở).

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	15 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm
Phần mềm	05 - 10 năm

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất trong vòng 47 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Công cụ dụng cụ và thiết bị quản lý xuất dùng có giá trị lớn được phân bổ trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng).

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được CP phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**13. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**14. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.474.562.504	1.010.830.359
Tiền gửi ngân hàng	8.016.600.920	4.928.854.849
<b>Cộng</b>	<b>10.491.163.424</b>	<b>5.939.685.208</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

2. Các khoản phải thu khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Gía trị hàng ứơt chờ bồi thường (*)	16.220.523.712	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	190.670.859	119.563.935
<b>Cộng</b>	<b>16.411.194.571</b>	<b>119.563.935</b>

(\*) Là giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng ngập nước do thiên tai theo biên bản hiện trường ngày 21/10/2014 đã ký giữa công ty và đại diện Tổng công ty Cổ phần Bào Minh. Hàng tồn kho này đã được mua bảo hiểm, hiện Công ty đang làm việc với Tổng công ty Cổ phần Bào Minh để thống nhất số tiền được bồi thường. Tổng công ty Cổ phần Bào Minh đã tạm ứng trước cho công ty số tiền là 4.000.000.000 đồng (Xem mục thuyết minh số V.16)

3. Hàng tồn kho	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.637.765.900	-
Nguyên liệu, vật liệu	148.496.766.760	168.978.944.530
Công cụ, dụng cụ	419.640.770	261.245.757
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.258.669.179	11.560.115.842
Thành phẩm	50.426.763.938	45.569.327.773
Hàng hóa	4.308.131.028	3.268.685.102
Hàng gửi đi bán	60.779.929	128.560.570
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>220.608.517.505</b>	<b>229.766.879.574</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.804.612.236)	(1.254.516.112)
<b>Cộng giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>217.803.905.269</b>	<b>228.512.363.462</b>

4. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.361.528.083	2.843.971.472
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	155.366.706
<b>Cộng</b>	<b>1.361.528.083</b>	<b>2.999.338.178</b>

5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	960.269.254	1.870.923.175
<b>Cộng</b>	<b>960.269.254</b>	<b>1.870.923.175</b>

6. Phải thu dài hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	602.025.192	602.025.192
<b>Cộng</b>	<b>602.025.192</b>	<b>602.025.192</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
	Cộng			Cộng			
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	51.826.189.758	294.983.336.875	18.919.298.170	9.221.981.856	374.950.806.659		
Số tăng trong năm	1.129.147.763	97.680.502.196	255.500.000	1.425.238.960	100.490.388.919		
- Mua sắm mới	-	97.680.502.196	255.500.000	1.425.238.960	99.361.241.156		
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.129.147.763	-	-	-	1.129.147.763		
Số giảm trong năm	-	4.900.637.042	224.303.623	229.014.360	5.353.955.025		
- Thanh lý, nhượng bán	-	4.900.637.042	224.303.623	229.014.360	5.353.955.025		
Số dư cuối năm	52.955.337.521	387.763.202.029	18.950.494.547	10.418.206.456	470.087.240.553		
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	24.318.709.480	176.979.834.098	7.747.539.516	3.189.640.436	212.235.723.530		
Số tăng trong năm	2.343.845.352	23.320.427.549	1.909.233.188	1.412.439.324	28.985.945.413		
- Khấu hao trong năm	2.343.845.352	23.320.427.549	1.909.233.188	1.412.439.324	28.985.945.413		
Số giảm trong năm	-	3.300.174.846	224.303.623	229.014.360	3.753.492.829		
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.300.174.846	224.303.623	229.014.360	3.753.492.829		
Số dư cuối năm	26.662.554.832	197.000.086.801	9.432.469.081	4.373.065.400	237.468.176.114		
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	27.507.480.278	118.003.502.777	11.171.758.654	6.032.341.420	162.715.083.129		
Tại ngày cuối năm	26.292.782.689	190.763.115.228	9.518.025.466	6.045.141.056	232.619.064.439		

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCD hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay;  
- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất		Hệ thống quản lý mạng, hệ thống ISSO		Đơn vị tính: VND
	Cộng		Cộng		
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.466.544.597	527.213.580	7.993.758.177		
Số tăng trong năm	-	-	-		
Số giảm trong năm	-	-	-		
Số dư cuối năm	7.466.544.597	527.213.580	7.993.758.177		
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	732.613.211	402.914.109	1.135.527.320		
Tăng trong năm	155.553.012	52.566.139	208.119.151		
Số giảm trong năm	-	-	-		
Số dư cuối năm	888.166.223	455.480.248	1.343.646.471		
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.733.931.386	124.299.471	6.858.230.857		
Tại ngày cuối năm	6.578.378.374	71.733.332	6.650.111.706		
9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2014	01/01/2014		
		VND	VND		
Xây dựng cơ bản dở dang		62.237.255.302	31.850.482.249		
- Dự án nhà máy tại KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh		21.982.534.913	6.564.141.696		
- Dự án 7 lô đất KCN Tân Đô - Long An		21.539.631.607	21.539.631.607		
- Mua 02 lô đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi		3.701.254.400	3.701.254.400		
- Mua nhà đất tại 159 Lạc Long Quân, P.3, Q.11		10.908.619.073	-		
- Công trình xây dựng NMBB số 1		4.045.132.595	-		
- Công trình xây dựng khác		60.082.714	45.454.546		
Mua sắm tài sản cố định		4.974.996.159	10.663.291.980		
Cộng		67.212.251.461	42.513.774.229		
10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư					
Nguyên giá					
Số dư đầu năm			9.063.412.740		
Số dư cuối năm			9.063.412.740		
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			1.348.905.805		
Tăng trong năm			-		
Số dư cuối năm			1.348.905.805		
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm			7.714.506.935		
Tại ngày cuối năm			7.714.506.935		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
Dầu tư dài hạn khác	1.186.396.520		1.186.396.520	
- Đầu tư cổ phiếu	1.186.396.520		1.186.396.520	
Trong đó	Số CP	Giá trị đầu tư	Số CP	Giá trị đầu tư
- Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu (Eximbank)	166.512	1.185.998.600	166.512	1.185.998.600
- Công ty CP Gò Đàng Cộng	11	397.920	11	397.920
<b>Cộng</b>		<b>1.186.396.520</b>		<b>1.186.396.520</b>
12. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
Công cụ, dụng cụ	506.962.360		2.016.732.607	
Chi phí trả trước dài hạn khác	-		-	
<b>Cộng</b>		<b>506.962.360</b>		<b>2.016.732.607</b>
13. Các khoản vay và nợ ngắn hạn	31/12/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
Vay ngắn hạn	286.891.459.328		218.999.412.181	
Trong đó:				
- Vay Ngân hàng	286.891.459.328		218.999.412.181	
Vay dài hạn đến hạn trả	25.064.668.281		20.045.553.656	
<b>Cộng</b>		<b>311.956.127.609</b>		<b>239.044.965.837</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG  
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Q.11, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết số dư cuối năm các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư nợ gốc	Tương đương VND	Phương thức đảm bảo khoản vay	Bên cho vay	Số dư nợ gốc	Tương đương VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	28.450.087.021	VND	Tài sản	Ngân hàng Eximbank	4.837.515.808	VND	Tài sản
Ngân hàng HSBC	46.788.494.757	VND	Tín chấp	Ngân hàng Eximbank	207.144,00	USD	Tài sản
Ngân hàng ANZ	25.152.177.859	VND	Tín chấp	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	7.831.000.000	VND	Tài sản
Ngân hàng Vietcombank	32.641.670.814	VND	Tài sản	Ngân hàng ACB - Bình Tây	166.160.000	VND	Tài sản
Ngân hàng Eximbank	3.104.517.678	VND	Tín chấp	Ngân hàng ACB - Bình Tây	363.688,84	USD	Tài sản
Ngân hàng Công thương CN10	119.580.671.404	VND	Tín chấp	<b>Cộng</b>			
Ngân hàng MB	12.840.317.321	VND	Tài sản				
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	191.652,56	USD	Tín chấp				
Ngân hàng HSBC	108.920,00	USD	Tín chấp				
Ngân hàng ANZ	450.032,13	USD	Tín chấp				
Ngân hàng Vietcombank	81.675,00	USD	Tín chấp				
Ngân hàng Eximbank	23.427,31	USD	Tín chấp				
<b>Cộng</b>		<b>286.891.459.328</b>				<b>25.064.668.281</b>	

Các khoản vay ngắn hạn: thời hạn vay là 6 tháng.

Chi tiết số dư cuối năm các khoản vay dài hạn đến hạn trả:

Bên cho vay	Số dư nợ gốc	Tương đương VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Eximbank	4.837.515.808	VND	Tài sản
Ngân hàng Eximbank	207.144,00	USD	Tài sản
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	7.831.000.000	VND	Tài sản
Ngân hàng ACB - Bình Tây	166.160.000	VND	Tài sản
Ngân hàng ACB - Bình Tây	363.688,84	USD	Tài sản
<b>Cộng</b>			



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.893.136.863	8.143.612.421
Thuế thu nhập cá nhân	287.893.882	120.742.138
Thuế nhà thầu	230.130.405	-
<b>Cộng</b>	<b>6.411.161.150</b>	<b>8.264.354.559</b>
<b>15. Chi phí phải trả</b>		
Trích trước chi phí lãi vay	573.817.806	353.200.662
Chi phí phải trả khác	7.536.995.053	5.017.969.331
<b>Cộng</b>	<b>8.110.812.859</b>	<b>5.371.169.993</b>
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
Kinh phí công đoàn	938.683.633	930.754.705
BHXH, BHYT, BHTN	-	650.215.603
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Cổ tức phải trả	349.874.610	382.739.450
Tổng công ty Cổ phần Bào Minh (*)	4.000.000.000	-
Phải trả khác	1.273.208.013	806.052.157
<b>Cộng</b>	<b>6.591.766.256</b>	<b>2.799.761.915</b>

(\*): Là tiền Tổng công ty Cổ phần Bào Minh ứng trước cho công ty để bồi hoàn cho khoản tổn thất bị ảnh hưởng ngập nước do thiên tai theo Hợp đồng bảo hiểm số PFA/702814 ngày 24/3/14 và biên bản hiện trường ngày 21/10/2014. Hiện Công ty đang làm việc với Tổng công ty Cổ phần Bào Minh để thống nhất số tiền được bồi thường.

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>17. Vay và nợ dài hạn</b>		
Vay dài hạn	61.883.468.870	35.514.679.870
<b>Cộng</b>	<b>61.883.468.870</b>	<b>35.514.679.870</b>

Chi tiết số dư cuối năm các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Lãi suất /năm	Số dư nợ gốc	Tương đương VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Eximbank	(a)	13.708.884.707 VND	13.708.884.707	Tài sản
	(b)	51.029,00 USD	1.093.296.325	Tài sản
Ngân hàng TM CP Á Châu	(c)	124.500.000 VND	124.500.000	Tài sản
	(d)	256.745,55 USD	5.500.874.533	Tài sản
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	(e)	41.455.913.305 VND	41.455.913.305	Tài sản
<b>Cộng</b>			<b>61.883.468.870</b>	

- (a): Đáo hạn tháng 12 năm 2021, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng.  
 (b): Đáo hạn tháng 06 năm 2016, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng.  
 (c): Đáo hạn tháng 09 năm 2016, lãi suất thả nổi từ 6 đến 12 tháng.  
 (d): Đáo hạn tháng 08 năm 2017, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng.  
 (e): Đáo hạn tháng 02 năm 2021, lãi suất thả nổi từ 6 đến 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	115.000.000.000	24.673.190.000	1.912.212.955	19.086.794.669	3.825.578.649	34.975.852.107
Lãi trong năm trước						26.196.146.064
Phân phối lợi nhuận trong năm trước						(34.975.852.106)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2012				16.173.268.745		(16.173.268.745)
Trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2012					1.552.524.518	(1.552.524.518)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận 2012						(3.450.058.843)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2012						(13.800.000.000)
Số dư cuối năm trước	115.000.000.000	24.673.190.000	1.912.212.955	35.260.063.414	5.378.103.167	26.196.146.065
Tăng vốn trong năm (*)						
Lãi trong năm nay	27.657.440.000	(161.550.000)				22.788.676.472
Phân phối lợi nhuận trong năm nay (**)						(26.196.146.064)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2013				10.854.128.955		(10.854.128.955)
Trích quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2013					1.309.807.303	(1.309.807.303)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận 2013						(2.619.614.606)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2013						(11.412.595.200)
Số dư cuối năm	142.657.440.000	24.511.640.000	1.912.212.955	46.114.192.369	6.687.910.470	22.788.676.473

(\*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 09/11/2013, trong năm công ty đã phát hành cổ phiếu theo mệnh giá cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1. Thặng dư vốn giảm là chi phí liên quan đến phát hành quyền mua nói trên.

(\*\*) Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27/06/2014.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn	-	-	54,2%	62.336.820.000
Các cổ đông khác	100,0%	142.657.440.000	45,8%	52.663.180.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>142.657.440.000</b>	<b>100%</b>	<b>115.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	27.657.440.000	-
Vốn góp cuối năm	142.657.440.000	115.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.412.595.200	13.800.000.000

d) Cổ phiếu	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.265.744	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.265.744	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.265.744	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.265.744	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.265.744	11.500.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng / cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.083.747.554.897	1.050.577.899.450
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	144.100.469.326	152.332.666.115
- Doanh thu bán thành phẩm	938.540.024.247	897.261.166.571
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.107.061.324	984.066.764

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4.122.698.004	6.148.765.222
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	1.040.663.684	467.011.399
- Giảm giá hàng bán	219.375.501	565.219.114
- Hàng bán bị trả lại	2.862.658.819	5.116.534.709

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.079.624.856.893	1.044.429.134.228
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	144.023.584.442	152.304.484.197
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	934.494.211.127	891.140.583.267
- Doanh thu thuần dịch vụ	1.107.061.324	984.066.764

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	142.746.882.341	148.293.666.948
Giá vốn của thành phẩm đã bán	825.403.303.056	781.043.260.155
<b>Cộng</b>	<b>968.150.185.397</b>	<b>929.336.927.103</b>

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.198.388	82.469.363
Lãi chênh lệch tỷ giá	283.646.045	188.827.038
Cổ tức, lợi nhuận được chia	66.604.800	224.791.200
Chiết khấu thanh toán được hưởng	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>449.449.233</b>	<b>496.087.601</b>

6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.090.328.941	21.551.234.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.699.720.933	2.636.610.953
<b>Cộng</b>	<b>24.790.049.874</b>	<b>24.187.845.445</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	272.727.273	224.545.454
Thu khác	90.316.280	10.019.629
<b>Cộng</b>	<b>363.043.553</b>	<b>234.565.083</b>

8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	1.600.462.196	-
Chi phí khác	633.721.706	135.788.860
<b>Cộng</b>	<b>2.234.183.902</b>	<b>135.788.860</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Từ năm tài chính 2014, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế, trước năm 2014 là 25%.

*Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.567.617.955	35.058.119.083
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.245.752.423	637.153.177
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.312.357.223	969.383.137
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.312.357.223</i>	<i>969.383.137</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	66.604.800	332.229.960
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>66.604.800</i>	<i>224.791.200</i>
<i>Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước</i>	<i>-</i>	<i>107.438.760</i>
Tổng lợi nhuận tính thuế	30.813.370.378	35.695.272.260
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm nay	6.778.941.483	8.923.818.065
Chi phí thuế TNDN tăng/(giảm) của các năm trước	-	(61.845.046)
<b>Tổng cộng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.778.941.483</b>	<b>8.861.973.019</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND (*)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	22.788.676.472	26.196.146.064
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.788.676.472	26.196.146.064
Cổ phiếu lưu hành đầu năm	11.500.000	11.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	2.121.940	710.090
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.621.940	12.210.090
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)</b>	<b>1.673</b>	<b>2.145</b>

(\*): Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá (quyền mua) cho cổ đông hiện hữu tại ngày 24/04/2014 với tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành là 2.765.744 CP.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	717.409.083.228	666.751.660.595
Chi phí nhân công	71.982.904.858	69.091.818.680
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.194.064.564	27.760.914.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.554.896.362	47.926.033.674
Chi phí khác bằng tiền	18.445.875.457	19.928.539.279
<b>Cộng</b>	<b>888.586.824.469</b>	<b>831.458.967.193</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Thu nhập của Ban Giám Đốc trong năm như sau:	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.637.095.131	1.668.971.858
<b>Cộng</b>	<b>1.637.095.131</b>	<b>1.668.971.858</b>

**2. Thông tin báo cáo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng từ chất dẻo, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh đồng thời công ty cũng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.491.163.424	5.939.685.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.842.957.162	99.856.600.844
Đầu tư dài hạn khác	1.186.396.520	1.186.396.520
<b>Cộng</b>	<b>154.520.517.106</b>	<b>106.982.682.572</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	86.163.455.093	71.637.535.325
Chi phí phải trả	8.110.812.859	5.371.169.993
Các khoản vay	373.839.596.479	274.559.645.707
<b>Cộng</b>	<b>468.113.864.431</b>	<b>351.568.351.025</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4. Tài sản đảm bảo

Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 01/01/2014 và vào ngày 31/12/2014, như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Hàng tồn kho - Nguyên vật liệu & Thành phẩm	196.118.918.463	213.293.756.191
TSCĐ hữu hình - Máy móc thiết bị	90.200.000.000	120.504.944.752
TSCĐ vô hình - Quyền sử dụng đất	6.578.378.374	6.733.931.386
Xây dựng cơ bản dở dang - Quyền sử dụng đất	47.223.420.920	31.805.027.703
Bất động sản đầu tư - Quyền sử dụng đất	7.714.506.935	7.714.506.935
<b>Cộng</b>	<b>347.835.224.692</b>	<b>380.052.166.967</b>

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>405.628.370.369</b>	<b>50.124.678.259</b>	<b>12.360.815.803</b>	<b>468.113.864.431</b>
Các khoản vay	311.956.127.609	49.522.653.067	12.360.815.803	373.839.596.479
Phải trả người bán	79.908.347.278	-	-	79.908.347.278
Phải trả khác	5.653.082.623	602.025.192	-	6.255.107.815
Chi phí phải trả	8.110.812.859	-	-	8.110.812.859
<b>Số đầu năm</b>	<b>315.451.645.963</b>	<b>36.116.705.062</b>	<b>-</b>	<b>351.568.351.025</b>
Các khoản vay	239.044.965.837	35.514.679.870	-	274.559.645.707
Phải trả người bán	69.166.502.923	-	-	69.166.502.923
Phải trả khác	1.869.007.210	602.025.192	-	2.471.032.402
Chi phí phải trả	5.371.169.993	-	-	5.371.169.993

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



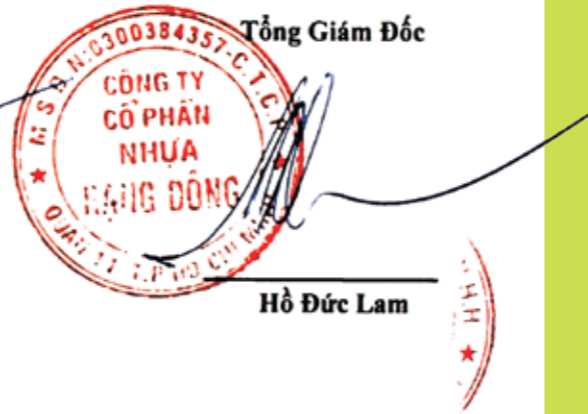
Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hải

Tổng Giám Đốc



Hồ Đức Lam



## THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA **Rạng Đông**



Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84-8) 3969 2272 - Fax: (84-8) 3969 2843

E-mail: [nhuarangdong@rdplastic.vn](mailto:nhuarangdong@rdplastic.vn)

Web: [www.rdplastic.com.vn](http://www.rdplastic.com.vn) - [www.aomuarangdong.com](http://www.aomuarangdong.com)

MST: 0300384357